

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đề tài: KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ - THƯƠNG MẠI TỔNG
HỢP KHÁNH HÀ**

Giáo viên hướng dẫn : Nguyễn Xuân Hiệp

Sinh viên thực hiện : Trần Ngọc Phương Trinh

Khóa học : 2019 – 2023

Lớp : 19KH

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2024.

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, khi nền kinh tế nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước đã mở ra nhiều cơ hội mới cho mọi cá nhân, tổ chức. Hiện nay cơ hội phát triển cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp thương mại nói riêng đang không ngừng mở rộng. Tuy nhiên đi cùng với những cơ hội đó là sự phát sinh của nhiều loại hình doanh nghiệp khiến cho sự cạnh tranh càng trở nên gay gắt và quyết liệt. Mỗi doanh nghiệp nếu không tự tìm cho mình một chỗ đứng nhất định thì sẽ rất khó tồn tại, dần dần bị tụt hậu và tự đào thải ra khỏi môi trường kinh doanh. Chính vì vậy, tổ chức tốt công tác quản lý, hoạch định chiến lược kinh doanh và thực hiện một cách linh hoạt các chính sách, phương hướng kinh doanh chính là nhiệm vụ cấp thiết để đem lại lợi nhuận tối đa cho doanh nghiệp.

Sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp thương mại trong nền kinh tế hiện nay làm nảy sinh nhiều vấn đề trong quá trình quản lý, nó càng chứng minh sự cần thiết của công cụ hạch toán kế toán. Đặc biệt quá trình bán hàng được coi là khâu mấu chốt trong hoạt động kinh doanh thương mại, do vậy hạch toán các nghiệp vụ bán hàng rất quan trọng và cần được quan tâm thỏa đáng.

Muốn cho doanh nghiệp bảo toàn được số vốn kinh doanh và quan trọng là hoạt động có lợi nhuận. Bên cạnh các biện pháp quản lý chung, doanh nghiệp cần nhận thức và quản lý tốt nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ và xác định đúng đắn kết quả kinh doanh vì nó chính là cơ sở để doanh nghiệp có thu nhập bù đắp chi phí bỏ ra, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước. Từ đó có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững mạnh trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh sôi động, khốc liệt.

Để quản lý tốt nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa thì kế toán bán hàng, với tư cách là một công cụ quản lý kinh tế cũng phải được điều chỉnh hoàn thiện hơn cho phù hợp với tình hình mới. Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán bán hàng, vận dụng những lý luận về kế toán bán hàng và thực tiễn hoạt động kế toán tại công ty TNHH điện tử - Thương mại tổng hợp Khánh Hà dưới sự hướng dẫn tận tình của và sự giúp đỡ của tất cả anh chị thuộc phòng Kế toán Công ty em đã thực hiện đề tài Báo cáo thực tập tốt nghiệp kế toán: “Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ĐIỆN TỬ - THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP KHÁNH HÀ”

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG

BCTC	Báo cáo tài chính
HĐQT	Hội đồng quản trị
VCSH	Vốn chủ sở hữu
QĐ	Quyết định
BTC	Bộ tài chính
TK	Tài khoản
TSNH	Tài sản ngắn hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
DN	Doanh nghiệp
CCDV	Cung cấp dịch vụ
CP	Chi phí
ĐVT	Đơn vị tính
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
NH	Ngân hàng
DT	Doanh thu
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
TT	Thông tư

Mục lục

CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	10
1.1. Khái niệm,Vai trò, Nhiệm vụ của công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh	10
<i>1.1.1. Các khái niệm liên quan đến kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh</i>	<i>10</i>
<i>1.1.2. Đặc điểm, vai trò, nhiệm vụ của Kế toán bán hàng và xác định KQKD</i>	<i>10</i>
<i>1.1.3. Các phương thức bán hàng</i>	<i>12</i>
1.2. Kế toán bán hàng	13
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng	13
1.2.1.1. Khái niệm doanh thu	13
1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng	13
1.2.1.3. Chứng từ sử dụng.....	14
1.2.1.4. Tài khoản sử dụng.....	14
1.2.1.5. Phương pháp kế toán.....	15
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	16
1.2.2.1. Khái niệm.....	16
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	17
1.2.2.4. Phương pháp kế toán.....	18
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán	18
1.2.3.1.Khái niệm.....	18
1.2.3.2. Các phương pháp tính giá xuất kho.....	18
1.2.3.3. Chứng từ sử dụng.....	20
1.2.3.4. Tài khoản kế toán.....	20
1.2.3.5. Phương pháp kế toán.....	22
1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
1.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	23
1.3.1.1. Khái niệm.....	23

1.3.1.2. Tài khoản kế toán.....	23
1.3.1.3. Phương pháp kế toán.....	24
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.....	25
1.3.2.1. Khái niệm.....	25
1.3.2.2. Chứng từ sử dụng.....	25
1.3.2.3. Tài khoản kế toán.....	25
1.3.2.4. Phương pháp kế toán.....	26
1.3.3. Chi phí quản lý kinh doanh	27
1.3.3.1. Chứng từ sử dụng.....	27
1.3.3.2. Tài khoản sử dụng.....	27
1.3.3.3. Phương pháp kế toán	28
1.3.4. Kế toán thu nhập khác	29
1.3.4.1. Khái niệm.....	29
1.3.4.2. Chứng từ sử dụng.....	29
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng.....	29
1.3.4.4. Phương pháp kế toán.....	30
1.3.5. Kế toán chi phí khác.....	31
1.3.5.1. Khái niệm.....	31
1.3.5.2. Tài khoản sử dụng.....	31
1.3.5.3. Phương pháp kế toán	32
1.3.6. Kế toán chi phí thuế TNDN	33
1.3.6.1. Khái niệm	33
1.3.6.2. Chứng từ sử dụng.....	33
1.3.6.3. Tài khoản sử dụng.....	33
1.3.6.4. Phương pháp kế toán.....	34
1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	35
1.3.7.1. Tài khoản sử dụng.....	35
1.3.7.2. Phương pháp kế toán.....	36

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ - THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP KHÁNH HÀ.....	37
---	-----------

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH điện tử - Thương mại tổng hợp Khánh Hà.....	37
2.1.1. Thông tin khái quát về đơn vị	37
2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị	37
2.1.1.2. Ngành nghề kinh doanh	38
2.1.2. Bộ máy quản lý của đơn vị.....	38
2.1.2.1. Hình thức tổ chức bộ máy quản lí.....	38
2.1.2.2. Vai trò của các phòng ban.....	38
2.1.3. Bộ máy kế toán của đơn vị	40
2.1.4. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty	41
2.1.5. Hình thức ghi sổ kế toán của đơn vị	41
2.2. Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH điện tử - Thương mại tổng hợp Khánh Hà.....	43
2.2.1. Đặc điểm về hàng hóa và Phương thức bán hàng hóa tại Công ty	43
2.2.2. Phương thức thanh toán tại Công ty.....	44
2.3.3. Kế toán doanh thu bán hàng	44
2.3.3.1. Chứng từ sử dụng.....	44
2.3.3.2. Tài khoản sử dụng.....	44
2.3.3.3. Trình tự ghi sổ tại công ty	45
2.3.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	48
2.3.5. Kế toán giá vốn hàng bán	49
2.3.5.1. Chứng từ sử dụng.....	49
2.3.5.2. Tài khoản kế toán.....	49
2.3.5.3. Trình tự ghi sổ tại công ty	49
2.3.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	53
2.3.6.1. Chứng từ sử dụng.....	54
2.3.6.2. Tài khoản sử dụng.....	54
2.3.6.3. Trình tự ghi sổ.....	54
2.3.7. Kế toán chi phí tài chính.....	55
2.3.7.1. Chứng từ sử dụng.....	55
2.3.7.2. Tài khoản sử dụng.....	56
2.3.7.3. Trình tự ghi sổ tại công ty	56

2.3.8. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	57
2.3.8.1. Chứng từ sử dụng.....	57
2.3.8.2. Tài khoản sử dụng.....	58
2.3.8.3. Trình tự ghi sổ.....	58
2.3.9. Kế toán thu nhập khác	63
2.3.9.1. Chứng từ kế toán sử dụng	63
2.3.9.2. Tài khoản kế toán sử dụng	63
2.3.9.3. Sổ kế toán sử dụng	63
2.3.10. Kế toán chi phí khác.....	63
2.3.10.1. Chứng từ sử dụng.....	63
2.3.10.2. Tài khoản kế toán.....	64
2.3.10.3. Trình tự ghi sổ.....	64
2.3.11. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	66
2.3.11.1. Chứng từ kế toán sử dụng	66
2.3.11.2. Tài khoản kế toán sử dụng	70
2.3.11.3. Sổ kế toán sử dụng	70
2.3.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	70
2.3.12.1. Chứng từ kế toán sử dụng	70
2.3.12.2. Tài khoản kế toán sử dụng	71
2.3.12.3. Trình tự ghi sổ tại công ty.....	71
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ - THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP KHÁNH HÀ.....	77
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty TNHH điện tử - Thương mại tổng hợp Khánh Hà	77
3.1.1. Ưu điểm của công tác kế toán.....	77
3.1.2. Nhược điểm của công tác kế toán	78
3.2. Đánh giá về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện tử - Thương mại tổng hợp Khánh Hà	78
3.2.1. Ưu điểm.....	78
3.2.2. Hạn chế, tồn tại	79

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà.....	79
--	-----------

DANH MỤC BIỂU MẪU

Biểu mẫu 2.1. Hóa đơn giá trị gia tăng số 239.....	Error! Bookmark not defined. 5
Biểu mẫu 2.2. Sổ chi tiết bán hàng TK 511	46
Biểu mẫu 2.3. Sổ cái TK 511	Error! Bookmark not defined.
Biểu mẫu 2.4. Phiếu xuất kho 239	50
Biểu mẫu 2.5. Bảng kê xuất.....	51
Biểu mẫu 2.6. Sổ chi tiết TK 632.....	52
Biểu mẫu 2.7. Sổ cái TK 632	53
Biểu mẫu 2.8. Giấy báo có	Error! Bookmark not defined.
Biểu mẫu 2.9. Sổ cái TK 515	55
Biểu mẫu 2.10. Giấy báo nợ.....	56
Biểu mẫu 2.11. Sổ cái TK 635	57
Biểu mẫu 2.12. Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 10 năm 2023	59
Biểu mẫu 2.13. Sổ chi tiết TK 642.....	Error! Bookmark not defined.
Biểu mẫu 2.14. Sổ cái TK 642	Error! Bookmark not defined.
Biểu mẫu 2.15. Giấy báo nợ.....	64
Biểu mẫu 2.16. Sổ cái TK 811	65
Biểu mẫu 2.17. Tờ khai quyết toán thuế TNDN.....	67
Biểu mẫu 2.18. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	70
Biểu mẫu 2.19. Sổ cái TK 911	72
Biểu mẫu 2.20. Sổ nhật ký chung tại công ty	73

CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái niệm,Vai trò, Nhiệm vụ của công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Các khái niệm liên quan đến kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

❖ Hàng hóa

- Hàng hóa là các loại vật tư, sản phẩm do doanh nghiệp mua về với mục đích để bán (bán buôn và bán lẻ).
- Hàng hóa là một phạm trù lịch sử, nó chỉ xuất hiện khi có nền sản xuất hàng hóa, đồng thời sản phẩm lao động mang hình thái hàng hóa khi nó là đối tượng mua bán trên thị trường. Hàng hóa là sản phẩm của lao động, thỏa mãn mong muốn, nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi hay mua bán.

❖ Bán hàng

- Bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, là quá trình người bán chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho người mua để nhận quyền sở hữu về tiền tệ hoặc quyền đòi tiền ở người mua.

❖ Doanh thu

- Theo Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Đoạn 03, Chuẩn mực số 14 ban hành và công bố theo quyết định số 149 /2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.2. Đặc điểm, vai trò, nhiệm vụ của Kế toán bán hàng và xác định KQKD

❖ Nhiệm vụ công tác kế toán bán hàng và xác định KQKD

- Nhiệm vụ quan trọng và bao trùm nhất của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là cung cấp một cách kịp thời, chính xác cho nhà quản lý và những người quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận đạt được của doanh nghiệp. Từ đó nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn cho doanh nghiệp.

Những nhiệm vụ cụ thể của kế toán bán hàng và xác định KQKD:

- Theo dõi và phản ánh kịp thời, chi tiết hàng hóa ở tất cả các trạng thái: hàng trong kho, hàng gửi bán, hàng đang đi trên đường...đảm bảo tính đầy đủ cho hàng hóa ở cả chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Đồng thời giám sát chặt chẽ kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng, sản phẩm, dịch vụ cụ thể.
- Phản ánh chính xác doanh thu bán hàng, doanh thu thuần để xác định chính xác kết quả kinh doanh: Kiểm tra, đôn đốc, đảm bảo thu đủ, thu nhanh tiền bán hàng, tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp pháp.
- Phản ánh chính xác, đầy đủ, trung thực các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý phát sinh nhằm xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.
- Phản ánh và giám đốc tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp như mức bán ra, lãi thuần...Cung cấp đầy đủ số liệu, lập quyết toán kịp thời, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

❖ Ý nghĩa của kế toán bán hàng

- Hoạt động bán hàng mang ý nghĩa sống còn, quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức tốt công tác bán hàng là một trong những điều kiện để đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và giải quyết các mối quan hệ tài chính, kinh tế, xã hội của doanh nghiệp.
- Bên cạnh đó, bán hàng còn là điều kiện để doanh nghiệp đa dạng hóa các mặt hàng cũng như hạn chế loại sản phẩm không đem lại lợi ích nhằm khai thác triệt để nhu cầu thị trường, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng xã hội.
- Việc bán hàng còn góp phần nâng cao năng lực kinh doanh của doanh nghiệp, thể hiện kết quả của quá trình nghiên cứu, giúp doanh nghiệp tìm chỗ đứng và mở rộng thị trường. Đó cũng là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước.
- Trong nền kinh tế quốc dân, hoạt động tiêu thụ góp phần khuyến khích tiêu dùng, hướng dẫn sản xuất phát triển để đạt được sự thích ứng tối ưu giữa cung cầu trên thị trường, Thông qua hoạt động tiêu thụ, sản xuất và tiêu dùng hàng hóa và tiền tệ, nhu cầu và khả năng thanh toán được điều hòa. Bên cạnh đó, tiêu thụ cũng góp phần giúp phát triển cân đối giữa các ngành nghề, khu vực trong toàn nền kinh tế, kết quả tiêu thụ của mỗi doanh nghiệp chính là biểu hiện cho sự tăng trưởng kinh tế, là nhân tố tích cực tạo nên bộ mặt của nền kinh tế quốc dân.

1.1.3. Các phương thức bán hàng

- Bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, là quá trình người bán chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá cho người mua để nhận quyền sở hữu về tiền tệ hoặc quyền đòi tiền ở người mua.

Các doanh nghiệp thương mại có thể bán hàng theo các phương thức sau:

❖ Bán hàng qua kho:

Là phương thức bán buôn mà trong đó hàng mua về được nhập kho, sau đó được xuất từ kho của doanh nghiệp cho người mua buôn dưới hai hình thức:

- + Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp
- + Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức chuyển hàng

- Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp:

Theo phương thức này, bên mua cử đại diện đến kho của doanh nghiệp thương mại để nhận hàng. Doanh nghiệp thương mại xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại diện bên mua.

Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

- Phương thức bán buôn vận chuyển hàng:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng. Doanh nghiệp thương mại xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Hàng hóa chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại.

Chỉ khi nào được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ, người bán mất quyền sở hữu về số hàng đã giao.

❖ Bán đại lý

- Hàng hóa được giao bán tại đại lý, bán đúng giá và đại lý giữ lại tiền hoa hồng khoản được nhận trên giá trị hàng hóa đã bán ra từ nhà cung cấp

❖ Bán trả chậm trả góp

Bán hàng trả chậm, trả góp là khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán trả tiền ngay, khách hàng chỉ thanh toán một phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy

định trong hợp đồng. Khoản lãi do trả chậm, trả góp sẽ hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính..

1.2. Kế toán bán hàng

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng

1.2.1.1. Khái niệm doanh thu

- Doanh thu là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của một cá nhân, tổ chức. Doanh thu là thước đo hiệu quả hoạt động kinh doanh, thể hiện quy mô và khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Theo chuẩn mực kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập đoạn số 10, Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Điều kiện này yêu cầu doanh thu phải được đo lường trên cơ sở tin cậy, Doanh thu bán hàng được đo lường dựa trên số lượng sản phẩm, hàng hóa bán cho khách hàng và giá bán trên hóa đơn bán hàng.
- Doanh nghiệp đã thu hay sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng. Theo nguyên tắc thận trọng, doanh thu chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến việc bán hàng. Theo nguyên tắc phù hợp, doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời. Các chi phí bao gồm cả chi phí phát sinh sau ngày giao hàng (như chi phí bảo hành, chi phí khác...) thường được xác định chắc chắn khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn. Theo đó, các khoản tiền nhận trước của khách hàng không được ghi nhận doanh thu mà chỉ được ghi nhận là một khoản nợ phải trả vì tại thời điểm nhận tiền trước của khách hàng chi phí liên quan đến việc bán hàng chưa phát sinh. Khoản tiền nhận trước này chỉ được ghi nhận là doanh thu khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng.

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

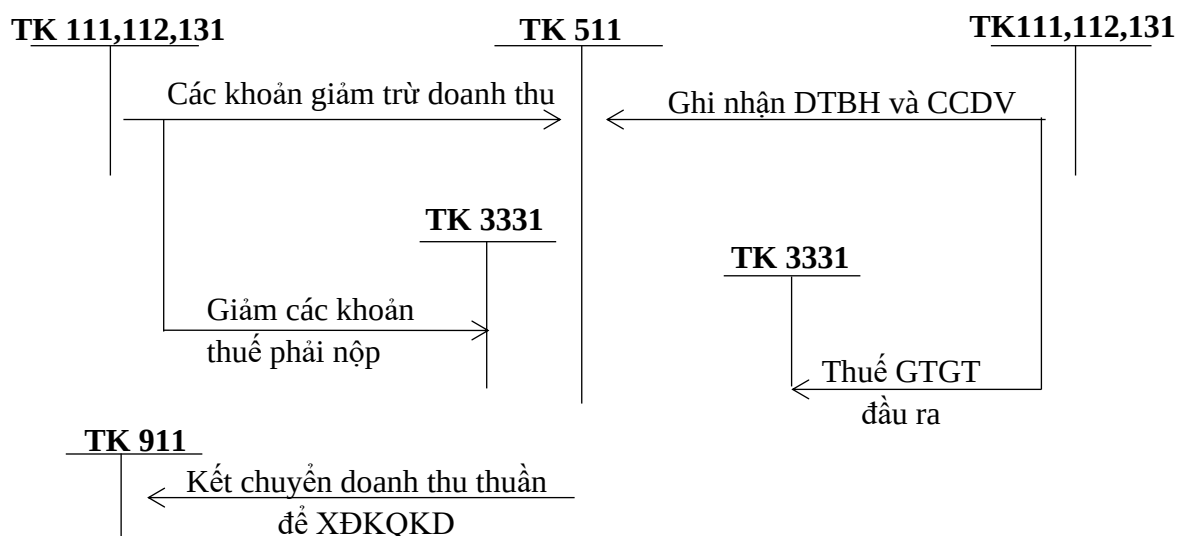
Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường)		-Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán
- Các khoản giảm trừ doanh thu.		
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 ‘Xác định kết quả kinh doanh’.		

TK 511 không có số dư cuối kỳ

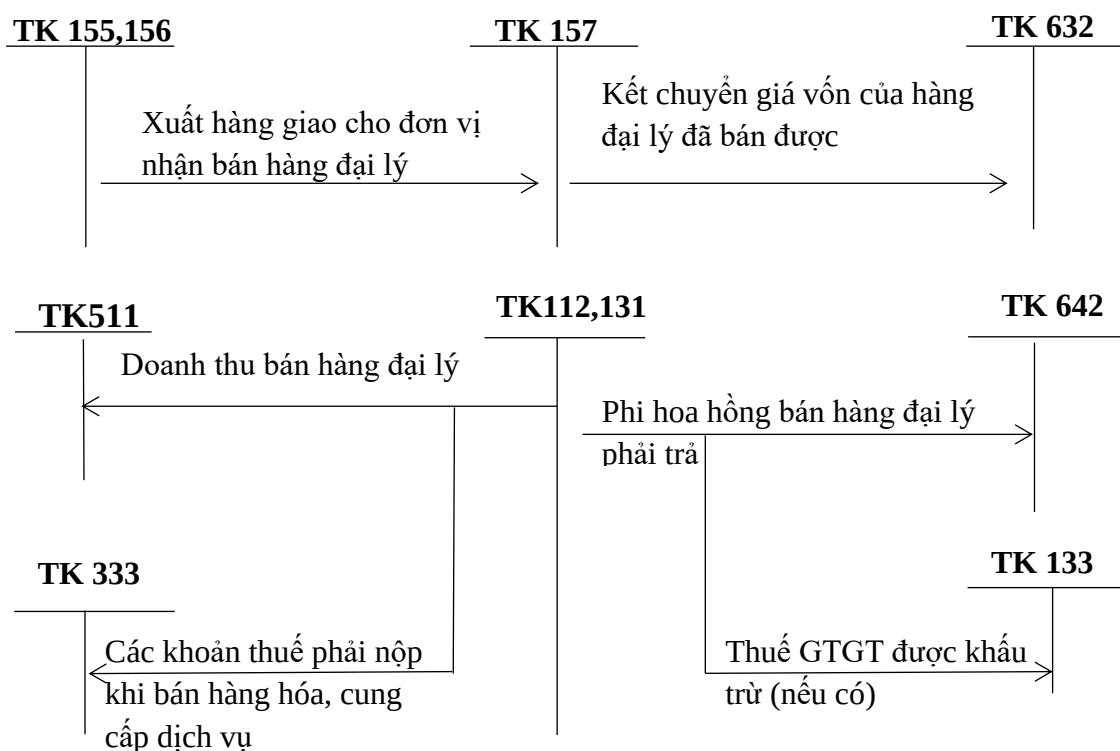
Các tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

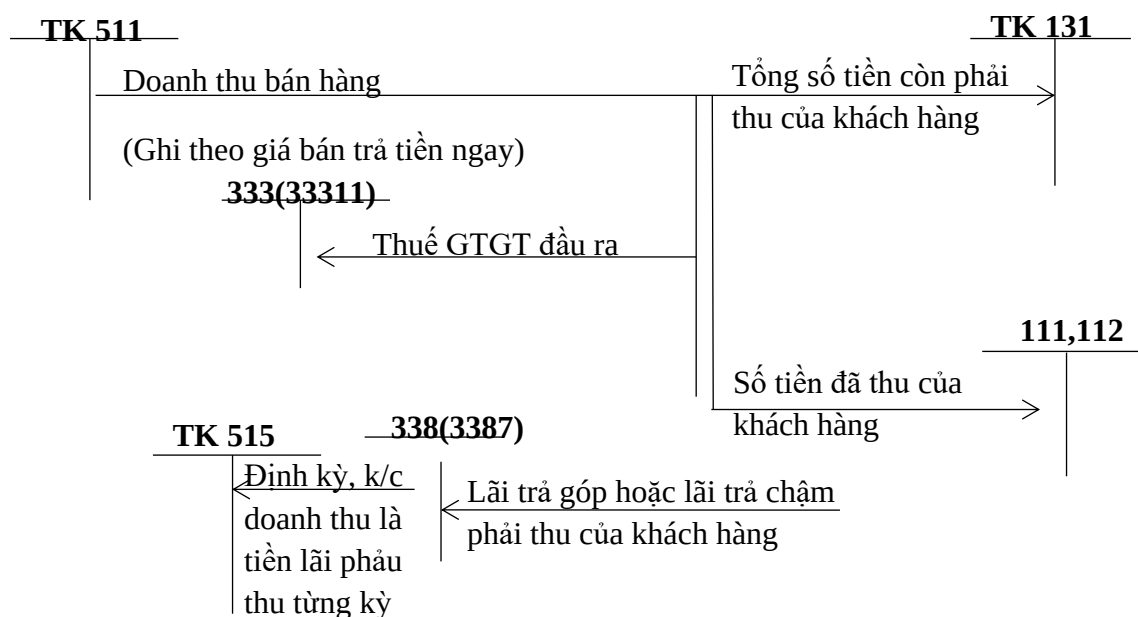
1.2.1.5. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng qua kho



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng đại lý



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Khái niệm

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Khi mua hàng với số lượng lớn hoặc mua đạt được một doanh số nào đó, người mua được giảm giá so với giá niêm yết và được quy định rõ trong hợp đồng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng.
- Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu chi
- Hóa đơn, biên bản hoặc văn bản trả lại của người mua

- Phiếu nhập kho hàng bị trả lại
- Công văn đề nghị giảm giá hoặc chứng từ giảm giá có sự đồng ý của cả người mua và người bán.

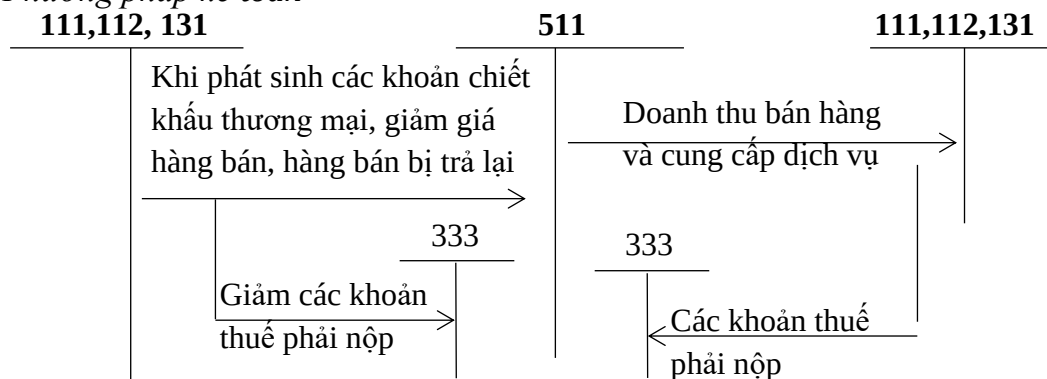
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng để hạch toán giảm trừ doanh thu là tài khoản 511. Phản ánh các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

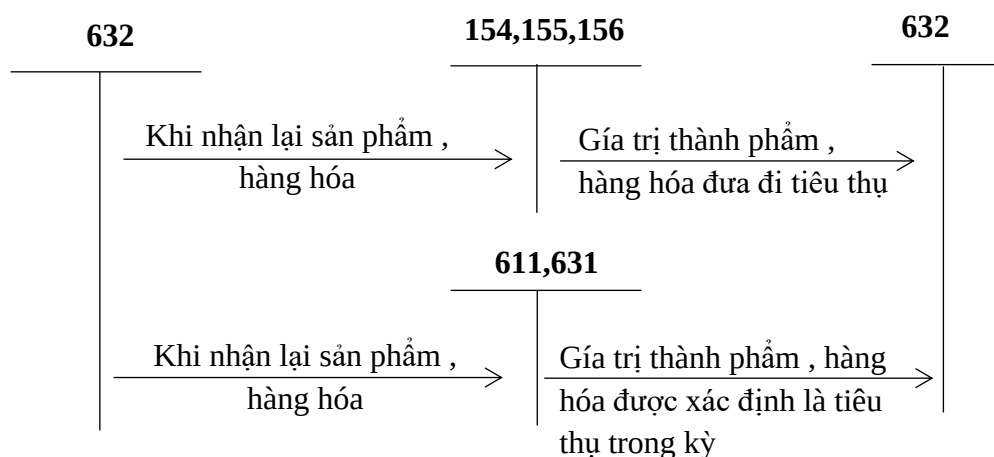
Nợ	TK511	Có
- Phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu. Như giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ.	Phản ánh các khoản doanh thu từ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... phát sinh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp.	
- Phản ánh doanh thu kết chuyển sang tài khoản xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.	

TK 511 không có số dư cuối kỳ

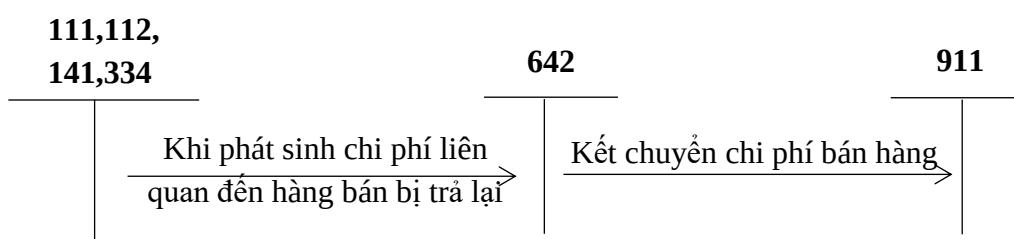
1.2.2.4. Phương pháp kế toán



- Kế toán nhận lại sản phẩm hàng hóa



- Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Khái niệm

- Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm đã bán được (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành, đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...
- Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng và loại trừ hàng tồn kho dùng cho hoạt động xây dựng cơ bản, giá trị hàng tồn kho dùng cho sản xuất sản phẩm mà sản phẩm được tạo ra từ những hàng tồn kho này có giá bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.
- Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).
- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.
- Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

1.2.3.2. Các phương pháp tính giá xuất kho

Khi xác định giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ, doanh nghiệp áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp tính theo giá đích danh: Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

- Phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.
- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất - trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị - hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời - điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Mỗi phương pháp tính giá trị hàng tồn kho đều có những ưu, nhược điểm nhất định. Mức độ chính xác và độ tin cậy của mỗi phương pháp tùy thuộc vào yêu cầu quản lý, trình độ, năng lực nghiệp vụ và trình độ trang bị công cụ tính toán, phương tiện xử lý thông tin của doanh nghiệp. Đồng thời cũng tùy thuộc vào yêu cầu bảo quản, tính phức tạp về chủng loại, quy cách và sự biến động của vật tư, hàng hóa ở doanh nghiệp.

1.2.3.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho kèm vận chuyển nội bộ

1.2.3.4. Tài khoản kế toán

TK 632 "Giá vốn hàng bán" dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ xuất bán trong kỳ.

- ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 632
- Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

-Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.

+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh:

+ Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ;

+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT;

+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ;

+ Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ;

+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ;

+ Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá;

+ Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.

-Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

- Trị giá hàng bán bị trả lại;

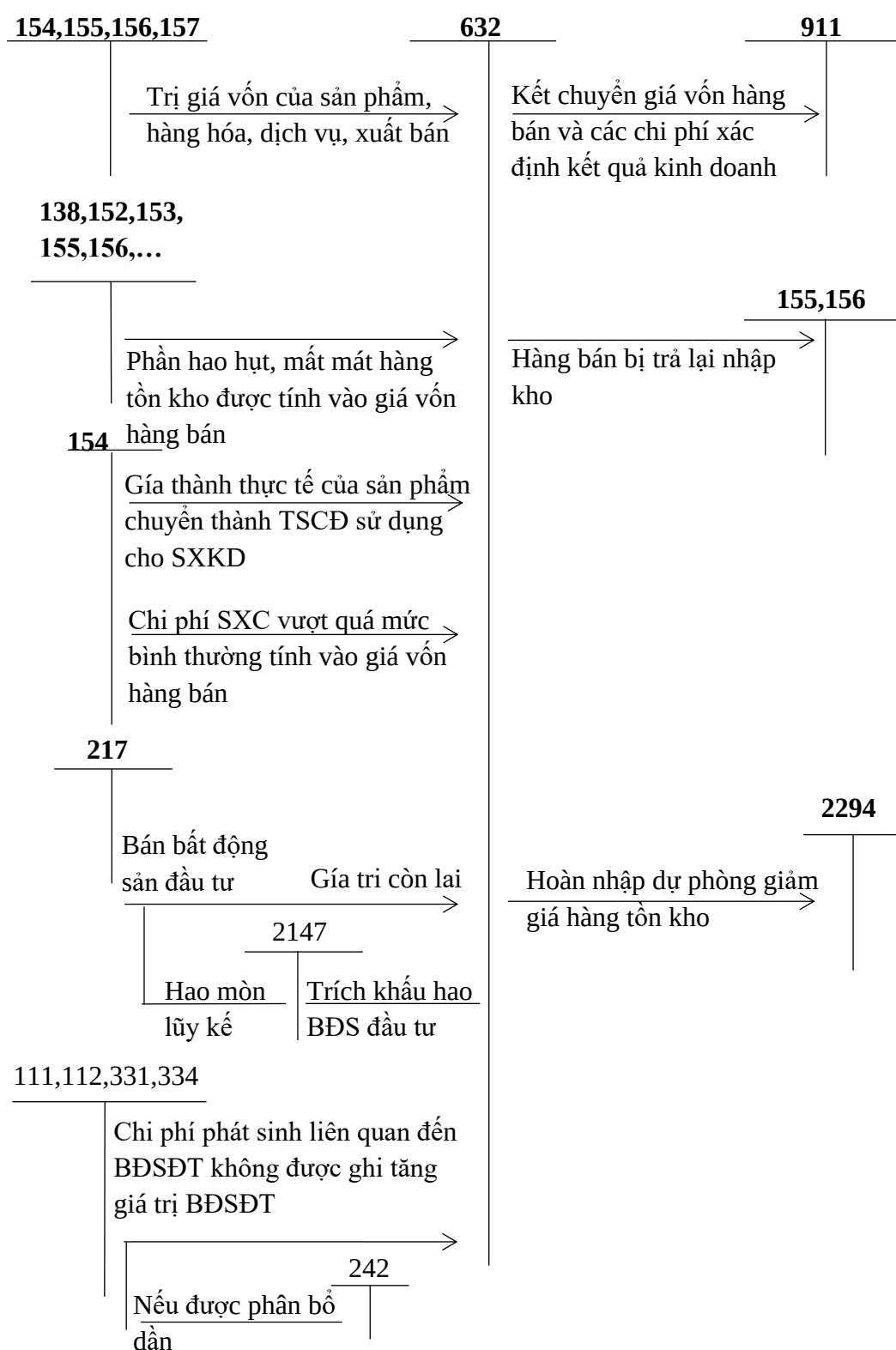
- Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh);

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ;

- Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại;

- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

1.2.3.5. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp KCTX

1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.3.1.1. Khái niệm

- Doanh thu từ hoạt động tài chính là khoản thu nhập mà doanh nghiệp nhận được từ các hoạt động tài chính, bao gồm: Tiền lãi từ cho vay, đầu tư, ủy thác đầu tư, mua bán chứng khoán,... Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp mà doanh nghiệp nắm giữ cổ phần, phần vốn góp.

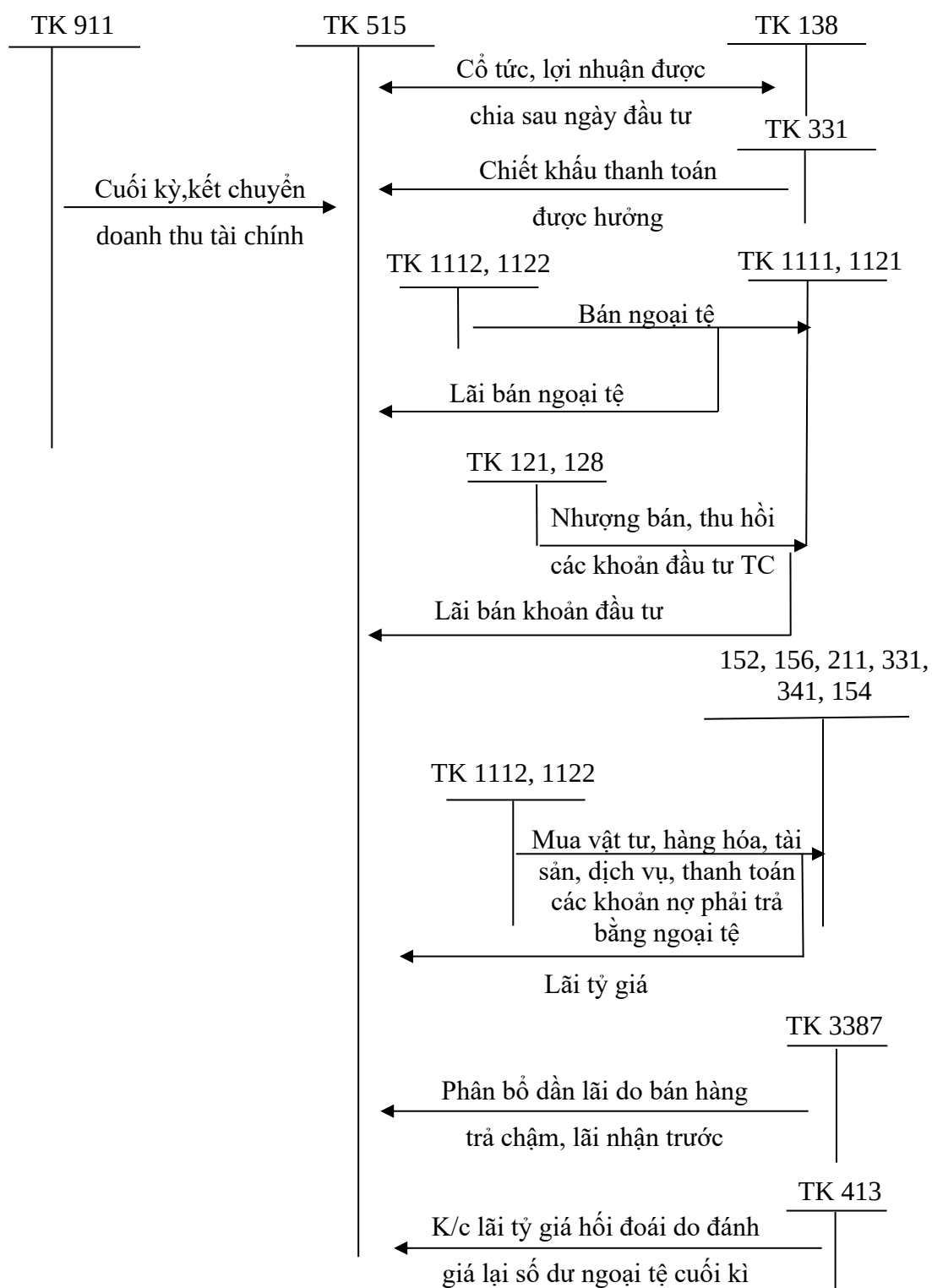
1.3.1.2. Tài khoản kế toán

- Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính": Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu các hoạt động tài chính khác.

Nợ	515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911		

TK 515 không có số dư cuối kỳ.

1.3.1.3. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

1.3.2.1. Khái niệm

- Chi phí tài chính là các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán..., khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu tính lãi đi vay
- Giấy tờ liên quan đến bán ngoại tệ
- Biên bản họp đồng quy định chiết khấu thanh toán cho người mua
- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Biên bản nhận lại tài sản cố định mà trước đó đem đi góp vốn

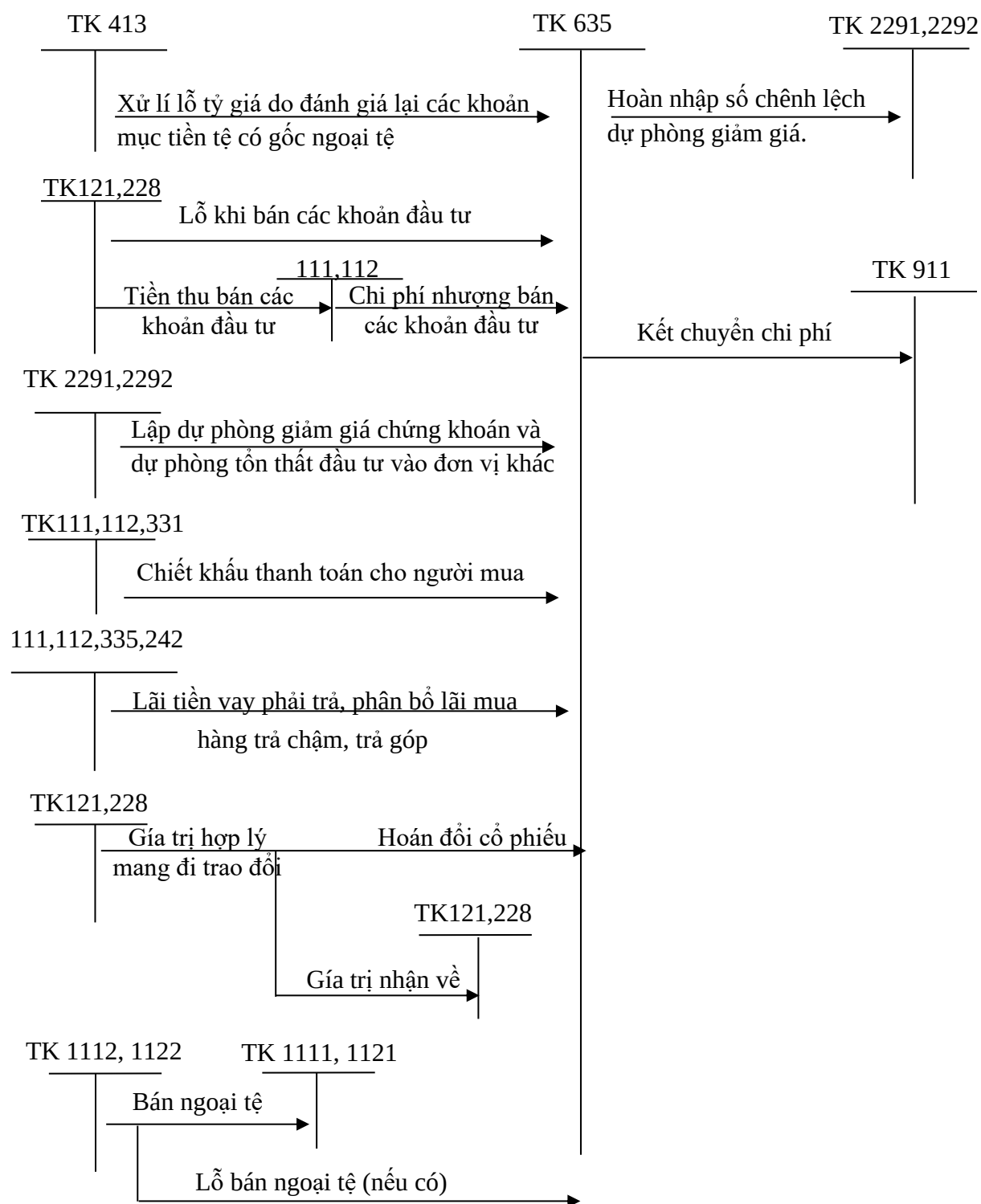
1.3.2.3. Tài khoản kế toán

Tài khoản 635 "Chi phí tài chính", Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính

Nợ	635	Có
-Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ		-Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
-Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữ số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng phải lập kỳ trước		-Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính
		-Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

TK 635 không có số dư cuối kì

1.3.2.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính

1.3.3. Chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh” dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

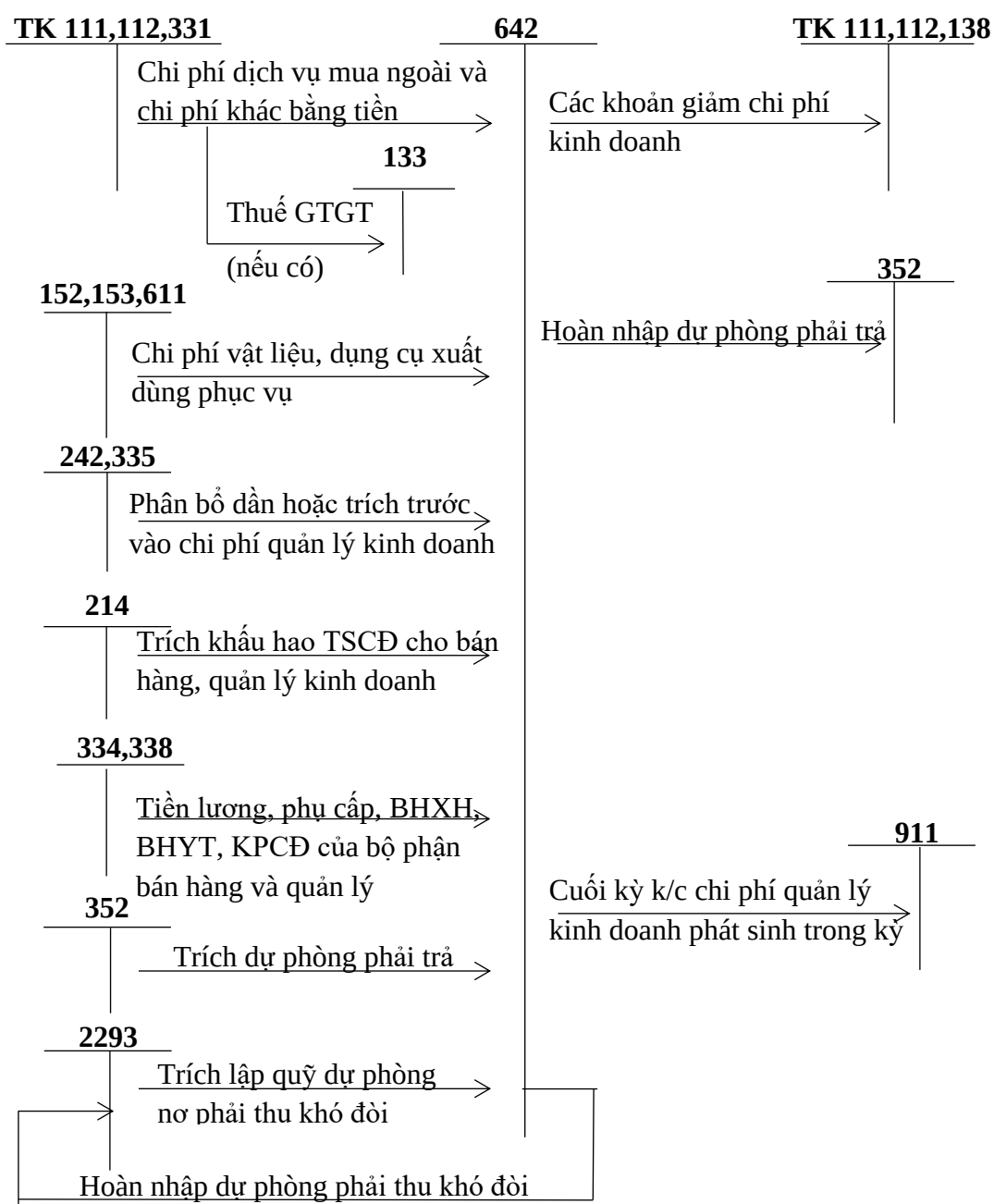
Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6421: Chi phí bán hàng.
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Nợ	642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.(Chênh lệch giữa dự phòng phải lập kỳ này>dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết.)		-Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, chi phí QLDN - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ< số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết.) - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.3.3. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.4. Kế toán thu nhập khác

1.3.4.1. Khái niệm

Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản
- Biên bản hợp đồng kinh tế giữa 2 bên: bên mua và bên bán
- Các chứng từ khác có liên quan

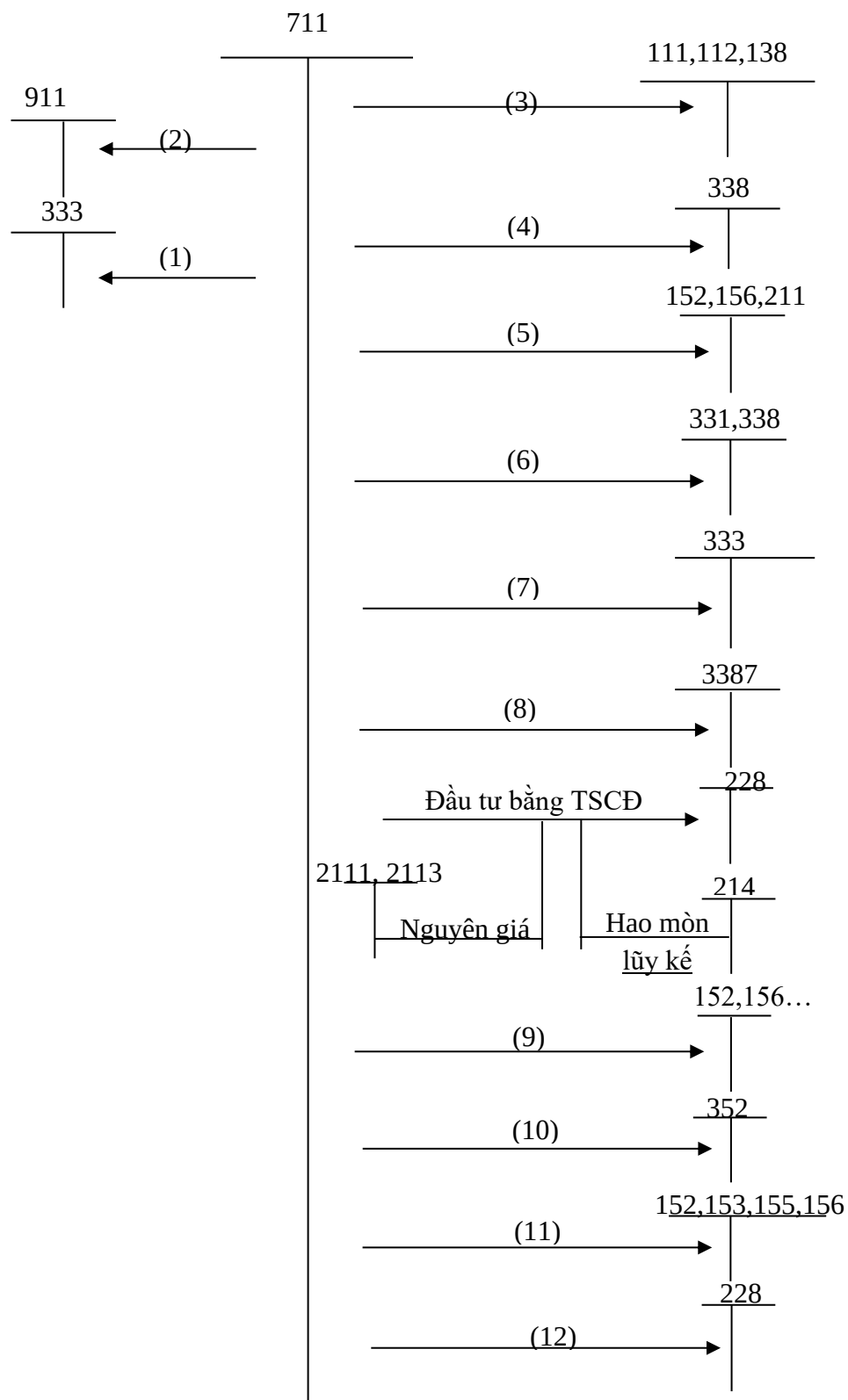
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711: Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

Nợ	711	Có
Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.		-Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
-Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911.		

TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán thu nhập khác

Chú thích:

- (1) Các khoản thuế trừ vào thu nhập khác
- (2) Cuối kỳ KC các khoản thu nhập khác
- (3) Khi thu được khoản nợ khó đòi, thu tiền bảo hiểm, tiền phạt khách hàng...
- (4) Tiền phạt khấu trừ vào tiền ký cược, ký quỹ của người ký cược, ký quỹ
- (5) Được tài trợ, biếu, tặng vật tư hàng hoá, TSCĐ
- (6) Tính vào thu nhập khác các khoản nợ không xác định được chủ
- (7) Các khoản hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT
- (8) Định kì phân bổ doanh thu chưa thực hiện nếu tính vào thu nhập khác
- (9) Trị giá hàng hóa dịch vụ được biếu, tặng
- (10) Hoàn nhập số dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp
- (11) Đánh giá tăng giá trị tài sản khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- (12) Đầu tư bằng vật tư, hàng hóa

1.3.5. Kế toán chi phí khác

1.3.5.1. Khái niệm

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

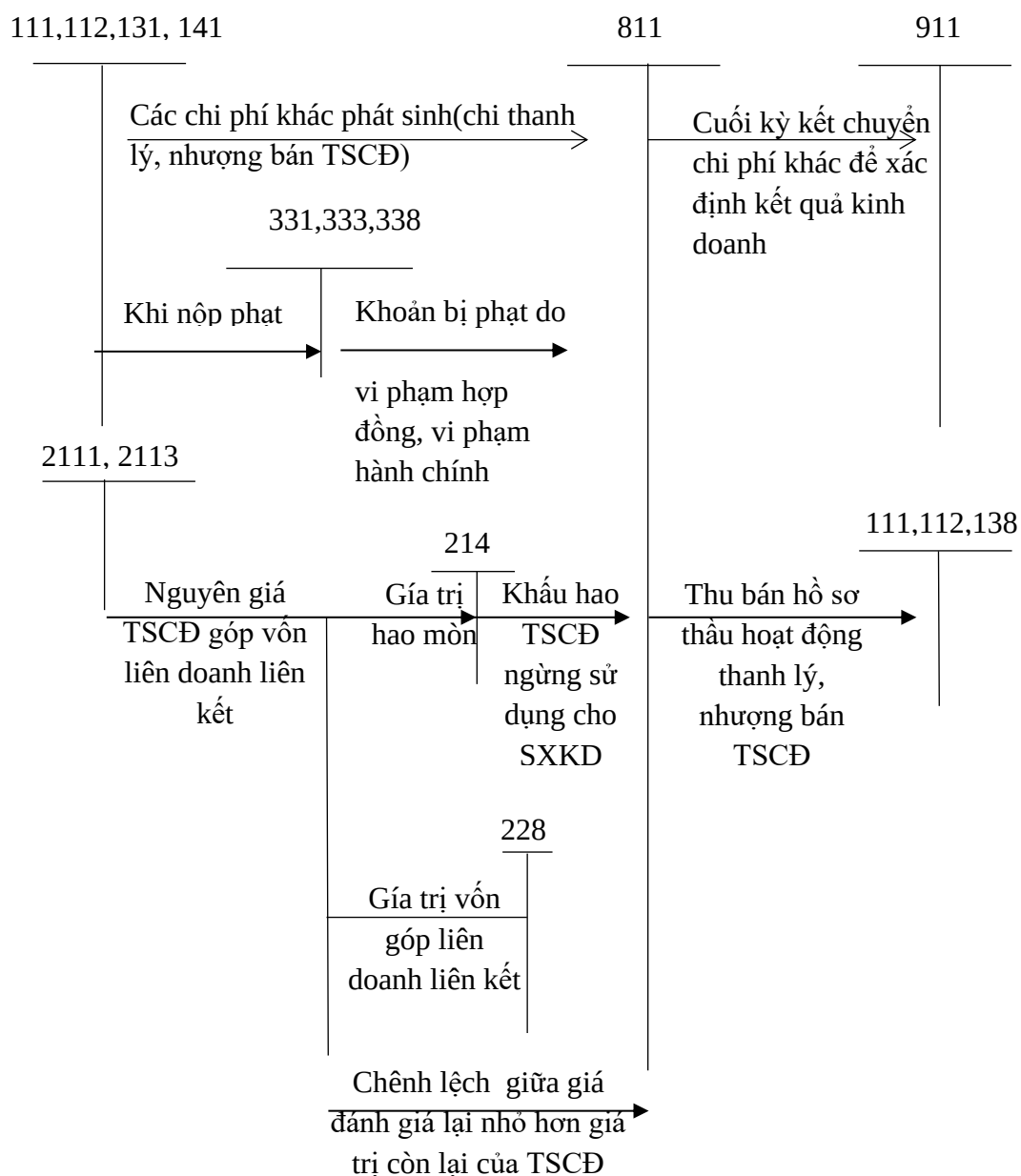
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.3.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811: “Chi phí khác”, Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Nợ	811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911.
TK 811 không có số dư cuối kỳ		

1.3.5.3. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán chi phí khác

1.3.6. Kế toán chi phí thuế TNDN

1.3.6.1. Khái niệm

Nguyên tắc kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Hàng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.
- Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm phát hiện sai sót.
- Đối với các sai sót trọng yếu, kế toán điều chỉnh hồi tố.
- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh vào tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh" để xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán.

1.3.6.2. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính
- Tờ khai điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, biên lai nộp tiền
- Chứng từ khác có liên quan

1.3.6.3. Tài khoản sử dụng

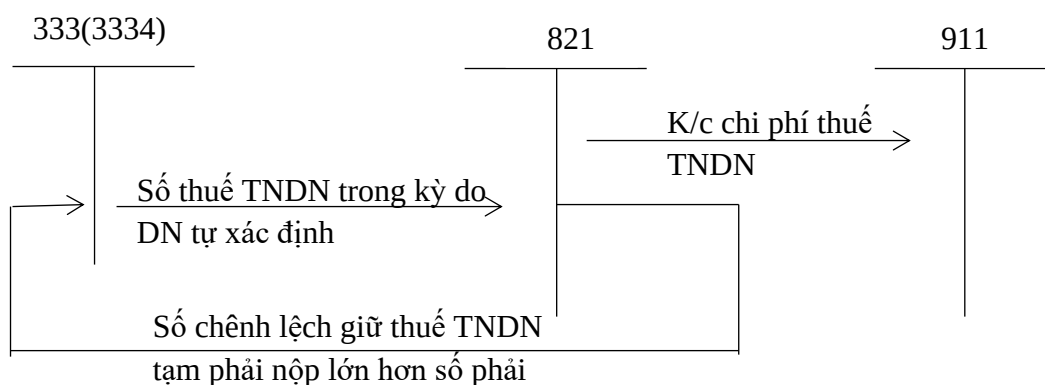
Tài khoản 821” Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” dùng để phản ánh chi

phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Nợ	821	Có
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.		Số thuế TNDN thực tế phải nộp nhỏ hơn số Thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm. -Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại. -Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911.

Tk 821 không có số dư cuối kỳ

1.3.6.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành

1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong công ty trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “lãi” hoặc “lỗ”.

Để xác định KQKD, ta cần tính theo các công thức sau:

- ❖ Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng – Các khoản giảm trừ doanh thu
- ❖ Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán
- ❖ Lợi nhuận thuần = Lợi nhuận gộp – (Chi phí bán hàng + Chi phí QLDN)
- ❖ Lợi nhuận trước thuế = Tổng doanh thu - Chi phí cố định - Chi phí phát sinh
- ❖ Lợi nhuận sau thuế = Tổng Doanh thu – Tổng Chi phí – Thuế TNDN

Nguyên tắc kế toán:

- Phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.
- Phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động như hoạt động sản xuất, chế biến; hoạt động kinh doanh thương mại;... Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.
- Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

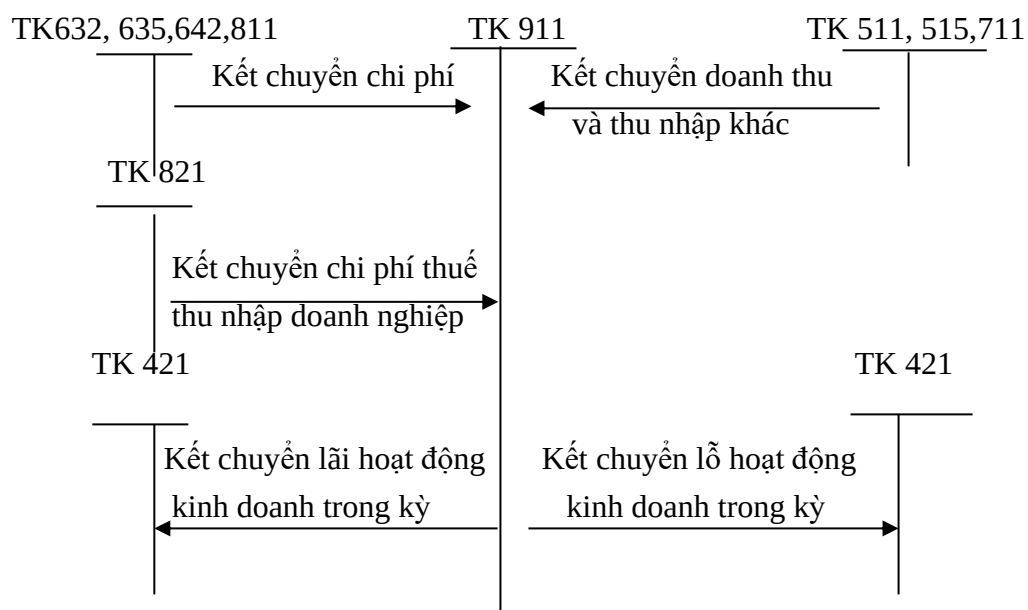
1.3.7.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911” Xác định kết quả kinh doanh”, Tài khoản dùng để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Nợ	911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ

TK 911 không có số dư cuối kỳ

1.3.7.2. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ - THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP KHÁNH HÀ

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH điện tử - Thương mại tổng hợp Khánh Hà

2.1.1. Thông tin khái quát về đơn vị

- Tên đầy đủ: Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà
- Người đại diện: Nguyễn Khánh Hà
- Địa chỉ: 182 Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại: 0523822417
- Mã số thuế: 3100297945
- Ngày hoạt động: 11/08/2003

2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị

Công ty chính thức đi vào hoạt động từ năm 2003. Giai đoạn năm 2003 đến năm 2013, thị trường chủ yếu của công ty là khu vực thị xã Đồng Hới. Để mở rộng thị trường tiêu thụ, công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, tăng sức cạnh tranh với các đối thủ trên địa bàn.

Giai đoạn năm 2014 đến nay, mặc dù kinh tế vô cùng khó khăn, thị trường có nhiều biến động, giá cung cấp hàng hoá của các hãng sản xuất tăng cao, mức tiêu thụ thị trường giảm mạnh, nhưng với sự cố gắng nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, công ty đã vượt kế hoạch đề ra, thị trường mở rộng ra toàn tỉnh Quảng Bình và các tỉnh lân cận, doanh thu, lợi nhuận tăng, thu nhập của người lao động được cải thiện.

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi trọng và xác định chữ tín với khách hàng là yếu tố quan trọng hàng đầu. Đến nay, Công ty đã tạo dựng được uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, được các khách hàng trong và ngoài tỉnh đánh giá cao, đặt niềm tin để thiết lập quan hệ hợp tác kinh doanh trong các lĩnh vực mà hai bên cùng quan tâm.

2.1.1.2. Ngành nghề kinh doanh

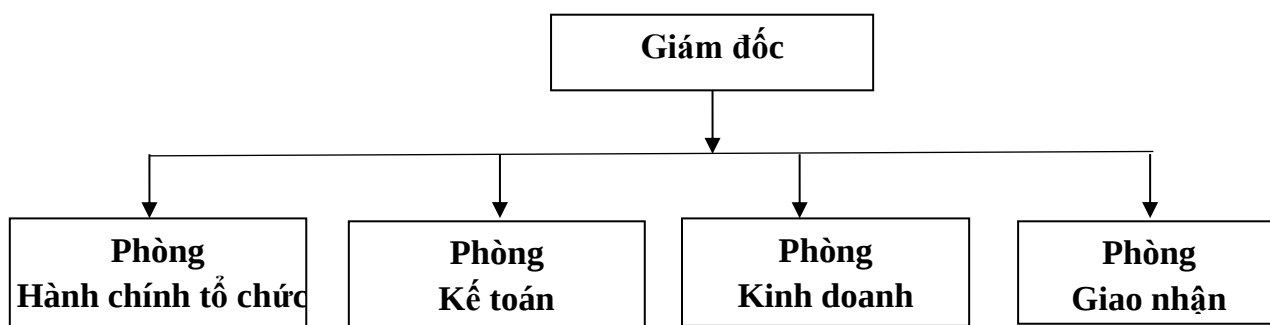
Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà hoạt động trong các lĩnh vực:

- Buôn bán và phân phối các thiết bị điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng.
- Buôn bán và phân phối nước đóng chai và đá viên.
- Buôn bán khí hóa lỏng và gas
- Thực hiện bán hàng theo các kênh phân phối của công ty như bán cho các đại lý, bán hàng theo kênh hiện đại và bán lẻ.
- Đáp ứng những đơn hàng đa dạng mẫu mã, kiểu dáng.

2.1.2. Bộ máy quản lý của đơn vị

2.1.2.1. Hình thức tổ chức bộ máy quản lý

Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà là 1 doanh nghiệp tư nhân tổ chức quản lý theo mô hình một cấp: đứng đầu là giám đốc, tiếp đến là các phòng ban, có nhiệm vụ trực tiếp giúp việc cho giám đốc.



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà.

(Nguồn Phòng HCNS, công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà)

2.1.2.2. Vai trò của các phòng ban

Giám đốc: Là người sáng lập ra công ty, là người đứng đầu doanh nghiệp, vị trí lãnh đạo cao nhất và có trách nhiệm chính trong việc điều hành và quản lý hoạt động của doanh nghiệp. Họ đứng đầu các bộ phận và có thẩm quyền ra quyết định chiến lược để đạt được mục tiêu của công ty, ban hành quy định và các quyết định cuối cùng, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Giám đốc có nhiều trách nhiệm quan trọng nhằm đảm bảo sự phát triển và thành công của doanh nghiệp.

Phòng Hành chính nhân sự: là một trong các bộ phận quan trọng của doanh nghiệp. Đây là bộ phận chịu trách nhiệm quản lý nhân viên và các bộ phận khác trong doanh nghiệp. Bất kể công ty lớn hay nhỏ đều quan tâm đến việc xây dựng bộ phận hành chính nhân sự. Chức năng của phòng hành chính nhân sự chính là tham mưu và hỗ trợ cho Giám đốc toàn bộ các công tác liên quan đến việc tổ chức và quản lý nhân sự, quản lý nghiệp vụ hành chính, cũng như các vấn đề pháp chế, hoạt động truyền thông và quan hệ công chúng. Phòng hành chính nhân sự chịu trách nhiệm về các công việc đã thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Phòng kế toán: Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán,...

- + Theo dõi, phản ánh sự vận động vốn Kinh doanh của công ty dưới mọi hình thái và cổ vấn, tham mưu cho ban Tổng giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ kế toán qua các thời kỳ trong hoạt động Kinh doanh.

- + Ghi chép, tính toán, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn của công ty.

- + Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế tài chính, phục vụ công tác lập và theo dõi kế hoạch. Cung cấp số liệu báo cáo cho cơ quan hữu quan theo chế độ báo cáo tài chính, kế toán hiện hành.

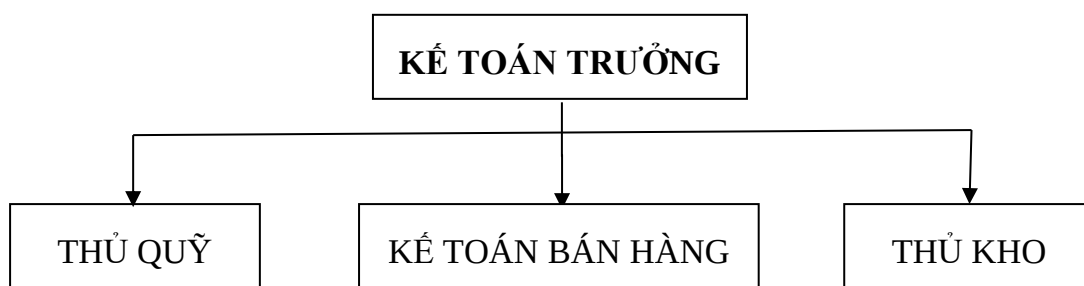
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho Ban tổng giám đốc công ty.

Phòng Kinh doanh: Giữ vai trò thúc đẩy, quảng bá và phân phối các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp đến tay người tiêu dùng bằng cách áp dụng rất nhiều phương thức khác nhau. Đồng thời giữ vai trò tham mưu cho Ban Giám đốc và phối hợp với các bộ phận, phòng ban khác trong công ty như phòng hành chính, phòng kế toán,... để xây dựng các chiến lược kinh doanh nhằm gia tăng doanh số, lợi nhuận, giúp công ty tăng trưởng và phát triển ngày càng thêm vững mạnh. Xây dựng tổng hợp và cân đối các kế hoạch kinh doanh; kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch cung ứng vật tư sản xuất, xây dựng cơ bản, sửa chữa máy móc thiết bị, dự trữ tiêu hao vật tư để đáp ứng nhu cầu vật tư kịp thời cho sản xuất kinh doanh.

Phòng Giao nhận: Có nhiệm vụ chuyên chở, giao nhận hàng hóa từ điểm xuất phát đến điểm đến, thông qua các phương tiện vận chuyển. Nhân viên giao nhận cũng có trách nhiệm kiểm tra hàng hóa, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và an toàn của hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Ngoài công việc giao nhận, phòng còn có chức năng như sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, phòng giao nhận còn thực hiện việc hỗ trợ lắp đặt, vận hành thử các thiết bị, máy móc cho khách hàng. Họ có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình lắp đặt những thiết bị, máy móc mới để nắm được tình hình, tình trạng vận hành của thiết bị đó.

2.1.3. Bộ máy kế toán của đơn vị

Bộ máy kế toán của công ty thực hiện theo mô hình tập trung, kế toán trưởng trực tiếp điều hành các phần việc của kế toán phân hành. Hiện phòng kế toán có: 1 kế toán trưởng, 1 thủ quỹ, 1 thủ kho và được tổ chức theo mô hình sau đây:



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

(Nguồn Phòng kế toán, công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà)

❖ Chức năng, nhiệm vụ:

- Kế toán trưởng: Là người đứng đầu phòng tài chính kế toán, chịu trách nhiệm với Giám Đốc về thông tin kế toán cung cấp. Tổ chức điều hành công việc quản lý tài chính kế toán của công ty, hướng dẫn, cụ thể hóa kịp thời các chế độ kế toán, chính sách tài chính quy định của nhà nước.

Đồng thời kế toán trưởng là người căn cứ vào số liệu trên sổ sách kế toán để thực hiện việc kiểm tra tính cân đối, chính xác trên các bảng kê, sổ chi tiết và sổ tổng hợp, hướng dẫn và kiểm tra các phần hành kế toán thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép, hạch toán đúng nguyên tắc, chuẩn mực và phương pháp kế

toán hiện hành; kê khai, quyết toán các loại thuế và lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ.

- Thủ quỹ: Hằng ngày kiểm kê tồn quỹ tiền mặt thực tế và tiến hành đối chiếu với sổ liệu và tiến hành đối chiếu sổ liệu của sổ cái tiền mặt và sổ quỹ tiền mặt.
- Kế toán bán hàng: quản lý và điều hành công tác hạch toán bán hàng của công ty, ghi chép quản lý công nợ, phân loại và quản lý các loại doanh thu như doanh thu bán hàng hoá doanh thu từng công trình xây dựng,...
- Thủ Kho: Theo dõi về số lượng và giá trị tồn kho, quá trình nhập xuất hàng hóa, thực hiện lập báo cáo kho hàng khi có yêu cầu.

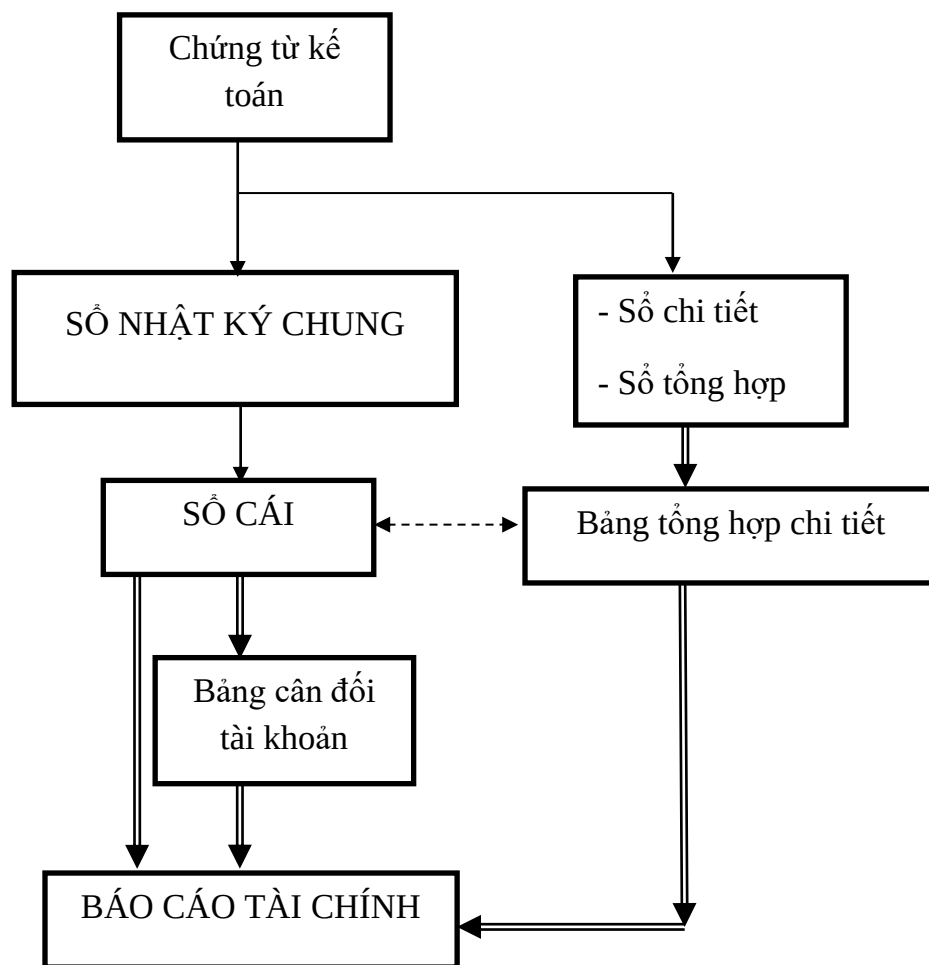
2.1.4. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán của Bộ tài chính để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp
- Niên độ kế toán (Bắt đầu từ ngày 01/01/ kết thúc vào ngày 31/12/)
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Công ty thực hiện ghi sổ và lập báo cáo bằng đồng Việt Nam. Việc qui đổi các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam được thực hiện theo qui định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá”.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: để đảm bảo theo dõi và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, chính xác, Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.
- Phương pháp tính giá vật tư, thành phẩm xuất kho: Công ty sử dụng phương pháp nhập trước, xuất trước.
- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Các tài sản cố định tại Công ty sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, phần lớn được tính khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp kê khai nộp thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện kê khai nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

2.1.5. Hình thức ghi sổ kế toán của đơn vị

- Đơn vị hiện đang áp dụng phần mềm kế toán ACSOFT
- Hình thức sổ kế toán là sổ nhật ký chung

Trình tự ghi sổ kế toán tại đơn vị được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính

(Nguồn Phòng kế toán, công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà)

Trình tự ghi sổ kế toán được thực hiện như sau:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ thẻ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, uối năm, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết

được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối năm, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay

2.2. Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện tử - Thương mại tổng hợp Khánh Hà

2.2.1. Đặc điểm về hàng hóa và Phương thức bán hàng hóa tại Công ty

- ❖ Công ty chuyên kinh doanh các mặt hàng:
 - Nước uống đóng chai: Nước bình 21 lít, nước chai 0,5 lít, đá viên.
 - Khí, gas hoá lỏng: Khí hóa lỏng (LPG), Gas Đất Việt 12kg (khí LPG)
 - Hàng điện tử: Tủ đông Sanaky VH2899W4K, Tivi Samsung 55AU7700, Máy nước nóng Ariston SL20B, Bình Ariston 15RS2.5, Bình Ariston SL15B, Máy nước nóng Ariston SM45PE-VN, Máy nước nóng Ariston AN2 15Lux 2.5FE-T, Máy nước nóng Ariston AN2 15Top 2.5FE-T, Máy giặt Electrolux 12938S, Máy giặt Electrolux EWF9025BQWA, Máy sấy Electrolux 6051, Máy sấy quần áo Whirlpool 3LWED4705WF, Máy giặt Sharp ES-Y85HV-S, Máy giặt LG TH2519SSAK, Bếp hồng ngoại Sanaky SNK 2018HG, Bếp hồng ngoại Sanaky SNK-IHC2021A, Loa kéo KT515, Loa kéo KT614, Loa kéo KT510A, Loa kéo KT511, Loa kéo KT187, Loa kéo KT21514, Loa kéo KT519, Máy giặt SS 90J5710SG/SV, Máy giặt Panasonic F80VS8HRV, Máy giặt Aqua QW80ZT, Máy giặt Aqua S90ZT, Máy giặt Hitachi SF-80P, Tủ đông Sanaky 1399HY3, Tủ đông Hòa Phát, Máy giặt Toshiba, Bếp đôi điện từ Nagakawa NAG1202M, Máy ép trái cây, Máy sưởi dầu, ...
- ❖ Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà bên cạnh hàng loạt các sản phẩm, hàng hóa chất lượng tốt, đa dạng chủng loại, mẫu mã còn đa dạng về phương thức tiêu thụ. Hiện tại công ty áp dụng các phương pháp bán hàng sau:
 - Bán hàng trực tiếp (bán lẻ): Hình thức này được áp dụng tại cửa hàng bán lẻ của công ty nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng nhỏ lẻ của khách hàng. Đặc

trung của phương thức này là bán hàng với số lượng nhỏ, giá trị của đơn hàng dưới 20 triệu đồng.

- Bán hàng theo hợp đồng: Đặc trưng của phương thức này là bán với số lượng lớn, đây là phương thức bán hàng phổ biến nhất của công ty. Khách hàng sẽ trực tiếp giao dịch với phòng kinh doanh, sau khi thỏa thuận giá cả, số lượng, phương thức thanh toán, hình thức vận chuyển... sẽ tiến hành ký kết hợp đồng.

2.2.2. Phương thức thanh toán tại Công ty

Hiện tại công ty áp dụng 2 phương thức thanh toán:

- ❖ Thanh toán ngay: Đây là phương thức thanh toán chủ yếu, Bởi vì Công ty có cửa hàng bán lẻ hoạt động rất hiệu quả và khách hàng thường mua về phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân hay tập thể nên thanh toán ngay tại quầy hàng, Khách hàng có thể trả tiền mặt hoặc qua chuyển khoản tại ngân hàng.
- ❖ Thanh toán sau: Phương thức này thường áp dụng cho khách hàng mua sỉ với số lượng lớn và là khách hàng quen của Công ty, Công ty sẽ đưa ra điều khoản thỏa thuận giữa hai bên về thời gian thanh toán thông qua hợp đồng ký kết.

2.3.3. Kế toán doanh thu bán hàng

2.3.3.1. Chứng từ sử dụng

- Chứng từ:

+ Phiếu thu, giấy báo có

+ Hóa đơn GTGT

+ Các chứng từ liên quan khác

- Căn cứ yêu cầu mua hàng (hoặc đơn đặt hàng, hợp đồng), Bộ phận bán hàng sẽ lập phiếu xuất kho để xuất hàng hóa giao cho khách hàng. Phiếu xuất kho lập 3 liên, phòng kinh doanh lưu liên 1, liên 2 chuyển cho phòng kế toán, liên còn lại chuyển xuống bộ phận kho - vận chuyển.

- Khi khách đến nhận hàng, nhân viên bán hàng xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng. Vì là hóa đơn điện tử nên kế toán tiêu thụ có thể chuyển file hóa đơn cho khách.

- Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho và hóa đơn điện tử đã xuất, kiểm tra số lượng hàng xuất và cập nhật nghiệp vụ vào phần mềm.

2.3.3.2. Tài khoản sử dụng

Hằng ngày, trên cơ sở Hóa đơn bán hàng và các chứng từ thanh toán đã nhập liệu, Phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật vào các sổ kế toán liên quan (xem biểu 2.2 và 2.3)

Biểu 2.2. Sổ chi tiết bán hàng TK 511

Đơn vị: Công ty TNHH ĐT-TMTH Khánh Hà

Địa chỉ: Đồng Phú, Đồng Hới, Q. Bình

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm 2023

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	Tài khoản	Nợ phát sinh	Có phát sinh
5/01/2023	001	gas	131		1.036.362
6/01/2023	002	nước	131		1.259.224
7/01/2023	003	cây nl	131		3.100.000
.....					
10/04/2023	102	nước	131		685.166
11/04/2023	103	nước	131		277.770
.....					
6/10/2023	237	gas	131		10.545.440
9/10/2023	238	gas	131		672.728
14/10/2023	239	td	131		17.520.000
16/10/2023	240	xuất bán	131		1.315.061.623
17/10/2023	241	gas	131		13.181.800
17/10/2023	242	đh	131		15.272.728
18/10/2023	243	gas	131		1.090.909
22/10/2023	244	gas	131		6.727.280
22/10/2023	245	gas	131		5.045.460
25/10/2023	246	nước	131		277.770
25/10/2023	247	gas	131		5.045.460
27/10/2023	248	gas	131		6.727.280
28/10/2023	251	loa	131		9.100.000
28/10/2023	252	mg	131		138.000.000
.....					
30/12/2023	336	ga	131		1.036.362
Tổng cộng					1.602.305.068

Ngày 31 tháng 10 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, dấu, họ tên)

Biểu 1.3. Sổ cái TK 511**Đơn vị:** Công ty TNHH ĐTTMTH Khánh Hà**Địa chỉ:** Đồng Phú, Đồng Hới, Q. Bình**Mẫu số S03b - DNN**(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)**SỔ CÁI****Năm 2023****Tên tài khoản:** doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**Số hiệu:** 511**Đơn vị tính:** Đồng

Ngày Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong tháng			
5/01	001	5/01	Doanh thu bán hàng Công ty CPĐTPT Thiên Hà Xanh	131		1.036.362
6/01	002	6/01	Doanh thu bán hàng Công ty CPĐTPT Thiên Hà Xanh	131		1.259.224
7/01	003	7/01	Doanh thu bán hàng cho Công ty CP vận tải Drago	131		3.100.000
.....						
10/04	102	10/04	Doanh thu bán hàng cho Công ty CP Viễn Thông FPT	131		685.166
11/04	103	11/04	Doanh thu bán hàng cho công ty CP ĐTTMDV T&T	131		277.770
.....						
6/10	237	6/10	Doanh thu bán hàng cho Công ty CP TM miền núi Tuyên Hoá	131		10.545.440
9/10	238	9/10	Doanh thu bán hàng cho công ty CP Trường Thịnh	131		672.728
14/10	239	14/10	Doanh thu bán hàng cho công ty TNHH DV&TMGoTravel	131		17.520.000
16/10	240	16/10	Doanh thu bán hàng cho Công ty TNHH Quảng cáo đa truyền thông Việt Anh	131		1.315.061.623
17/10	241	17/10	Doanh thu bán hàng cho Công ty CP TM miền núi Tuyên Hoá	131		13.181.800
						
31/12	K/c 023	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911	7.5745.108.617	
			Số phát sinh		7.5745.108.617	7.5745.108.617

2.3.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Chính sách bán hàng tại Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà quy định, tùy vào số lượng hàng hoá mà khách hàng mua, mỗi khách hàng sẽ được hưởng một phần chiết khấu trên giá bán sản phẩm. Giá bán ghi trên hóa đơn là giá sau khi đã được giảm. Do đó, các khoản giảm trừ doanh thu chỉ phát sinh khi khách hàng trả lại hàng hoá.

- Chứng từ ghi nhận khoản giảm trừ doanh thu:
 - Hoá đơn GTGT
 - Phiếu chi, giấy báo Nợ
 - Các chứng từ liên quan khác.

Khi phát sinh nghiệp vụ hàng bán bị trả lại, kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan để nhập liệu vào phần mềm, hệ thống sẽ tự động cập nhật vào các sổ kế toán liên quan.

Sổ kế toán sử dụng để hạch toán là sổ chi tiết TK 511

Trong tháng 10 năm 2023, ở công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu vì không có hàng bán bị trả lại.

2.3.5. Kế toán giá vốn hàng bán

2.3.5.1. Chứng từ sử dụng

- Các chứng từ liên quan : Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho kèm vận chuyển nội bộ.

Căn cứ yêu cầu về số lượng hàng hoá mà khách hàng mua (hoặc đơn đặt hàng, hợp đồng ký với khách hàng), bộ phận bán hàng sẽ lập phiếu xuất kho để xuất hàng hóa giao cho khách hàng.

Phiếu xuất kho lập 3 liên, Bộ phận bán hàng lưu liên 1, 02 liên còn lại chuyển xuống bộ phận kho - vận chuyển.

Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất hàng theo đúng số lượng, chủng loại rồi ký xác nhận. Sau đó, chuyển 01 phiếu xuất kho cho bộ phận kế toán.

Cuối tháng, kế toán tiến hành tính giá thực tế của hàng hoá xuất kho, lập Bảng kê xuất trên phần mềm. Máy tính sẽ tự động ghi vào các sổ kế toán liên quan và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

2.3.5.2. Tài khoản kế toán

Kế toán sử dụng tài khoản 632 để hạch toán giá vốn hàng bán

2.3.5.3. Trình tự ghi sổ tại công ty

Ví dụ minh họa: Ngày 14/10/2023, Công ty xuất kho hàng hoá bán cho công ty TNHH Dịch vụ Thương mại NH Go Travel 01 Tủ đông Sanaky

Biểu 2.4. Phiếu xuất kho 239

Đơn vị: Công ty TNHH ĐTTMTH Khánh Hà
Bộ phận: Bán hàng
BTC

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 14 tháng 10 năm 2023
Số: 239

Nợ: TK 632
Có: TK 156

- **Họ và tên người nhận hàng:** Nguyễn Thị Hương
- **Địa chỉ:** Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại NH Go Travel
- **Lý do xuất kho:** Xuất kho hàng hóa bán trực tiếp
- **Xuất tại kho:** Hàng hóa **Địa điểm:** Đồng Phú - Đồng Hới - Quảng Bình

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tủ đông Sanaky		Cái	1	1	15.927.272	15.927.272
	Cộng						15.927.272

- **Tổng số tiền (viết bằng chữ):** Mười lăm triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng chẵn./.

- **Số chứng từ gốc kèm theo:** 01

Ngày 14 tháng 10 năm 2023

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Hàng tháng, kế toán lập Bảng kê xuất trên phần mềm để tổng hợp các nghiệp vụ xuất kho hàng hoá trong tháng (xem bảng kê 2.5)

Biểu 2.5. Bảng kê xuất**BẢNG KÊ XUẤT***Năm 2023*

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	Tài khoản	ĐVT	Nợ phát sinh	Có phát sinh
5/01/2023	001	gas	6321	kg	480	8.664.635
6/01/2023	002	nước	6321	bình	2	450.000
7/01/2023	003	cây nl	6321	cái	1	3.110.000
....						
10/05/2023	153	gas	6321	kg	36	649.848
10/05/2023	154	nước	6321	bình	68	1.020.000
.....						
4/10/2023	234	cây nl	6321	cái	1	3.110.000
4/10/2023	235	nước	6321	bình	37	555.000
6/10/2023	236	nước	6321	bình	15	225.000
6/10/2023	237	gas	6321	kg	480	8.664.635
9/10/2023	238	gas	6321	kg	24	433.232
14/10/2023	239	td	6321	cái	1	15.927.272
16/10/2023	240	xuất bán	6321	cái	287	1.338.311.768
17/10/2023	241	gas	6321	kg	600	10.830.793
22/10/2023	245	gas	6321	kg	180	3.249.238
25/10/2023	246	nước	6321	bình	15	225.000
25/10/2023	247	gas	6321	kg	180	3.249.238
27/10/2023	248	gas	6321	kg	240	4.332.317
...						
30/12/2023	366	nước	6321	bình	93	1.395.000
Tổng cộng						7.003.387.615

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, dấu, họ tên)

Hằng ngày, trên cơ sở các phiếu xuất kho đã nhập liệu, Phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật vào các sổ kế toán liên quan (xem biểu 2.6 và 2.7)

Biểu 2.6. Sổ chi tiết TK 632**Đơn vị:** Công ty TNHH ĐT-TMTH Khánh Hà**Địa chỉ:** Đồng Phú, Đồng Hới, Q. Bình**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 632***Năm 2023*

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	Tài khoản	Nợ phát sinh	Có phát sinh
5/01/2023	001	gas	6321	8.664.635	
6/01/2023	002	nước	6321	450.000	
7/01/2023	003	cây nl	6321	3.110.000	
...					
10/05/2023	153	gas	6321	649.848	
10/05/2023	154	nước	6321	1.020.000	
.....					
4/10/2023	234	cây nl	6321	3.110.000	
4/10/2023	235	nước	6321	555.000	
6/10/2023	236	nước	6321	225.000	
6/10/2023	237	gas	6321	8.664.635	
9/10/2023	238	gas	6321	433.232	
14/10/2023	239	tđ	6321	15.927.272	
16/10/2023	240	xuất bán	6321	1.338.311.768	
17/10/2023	241	gas	6321	10.830.793	
17/10/2023	242	đh	6321	13.000.000	
18/10/2023	243	gas	6321	216.616	
....					
30/12/2023	366	nước	6321	1.395.000	
Tổng cộng				7.003.387.615	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2023***Người ghi sổ**
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, dấu, họ tên)

Biểu 2.7. Sổ cái tài khoản 632**Đơn vị:** Công ty TNHH ĐTTMTH Khánh Hà**Mẫu số S03b - DNN****Địa chỉ:** Đồng Phú, Đồng Hới, Q. Bình
BTC

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-

ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2023

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**Đơn vị tính:** Đồng

Ngày Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Sô	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong tháng			
.....						
10/05	153	10/05	Xuất kho hàng bán Công ty CPĐTPT Thiên Hà Xanh	156	649.848	
10/05	154	10/05	Xuất kho hàng bán Công ty CPĐTPT Thiên Hà Xanh	156	1.020.000	
.....						
4/10	234	4/10	Xuất kho hàng bán cho Công ty CP vận tải Drago	156	3.110.000	
4/10	235	4/10	Xuất kho hàng bán cho Công ty CP Viễn Thông FPT	156	555.000	
6/10	236	6/10	Xuất kho hàng bán cho công ty CP ĐTTMDV T&T	156	225.000	
6/10	237	6/10	Xuất kho hàng bán cho Công ty CP TM miền núi Tuyên Hoá	156	8.664.635	
9/10	238	9/10	Xuất kho hàng bán cho công ty CP Trường Thịnh	156	433.232	
14/10	239	14/10	Doanh thu bán hàng cho công ty TNHH DV&TMGoTravel	156	15.927.272	
16/10	240	16/10	Doanh thu bán hàng cho Công ty TNHH Quảng cáo đa truyền thông Việt Anh	156	1.338.311.768	
17/10	241	17/10	Doanh thu bán hàng cho Công ty CP TM miền núi Tuyên Hoá	156	10.830.793	
						
31/12	K/c 023	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911		7.003.387.615
			Số phát sinh		7.003.387.615	7.003.387.615
			Số dư cuối kỳ			

2.3.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.3.6.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng kê lãi tiền gửi
- Giấy báo Có
- Các chứng từ liên quan.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty đến từ khoản lãi của tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, số tiền này thường rất nhỏ.

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng thông báo lãi tiền gửi, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm.

2.3.6.2. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán doanh thu tài chính, công ty sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

2.3.6.3. Trình tự ghi sổ

Ví dụ minh họa:

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, công ty nhận được giấy báo Có của Ngân hàng về khoản lãi của tài khoản tiền gửi ngân hàng: 170.270 đồng

Chứng từ kế toán nghiệp vụ là giấy báo Có của ngân hàng (xem biểu 2.8)

Biểu 2.8. Giấy báo Có

 AGRIBANK Mang phồn thịnh đến khách hàng		GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVICE		Ngày/Date: 31/10/2023 CIF: 15935578 Seq: 6579978
Chi nhánh/Brand: Quảng Bình Số tài khoản/Account No: 3803201005050 Tên tài khoản/Account name: Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà				
Kính gửi/To: Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà.		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi CÓ với nội dung sau: Please note that we have today RCREDITED your account with the following entries:		
Ngày hiệu lực Effective Date	Số tiền Amount	Loại tiền Currency	Diễn giải Txn.Description	Giao dịch viên Teller
31/10/2023 17:15:03	170.270	VND	Lãi tài khoản tiền gửi tháng 10 năm 2023	716CTANH1

Hằng ngày, khi nhận được giấy báo Có từ ngân hàng về khoản lãi tiền gửi ngân hàng được hưởng, kế toán nhập liệu vào phần mềm, hệ thống sẽ tự động cập nhật vào sổ cái tài khoản 515 (xem biểu 2.9)

Biểu 2.9. Sổ cái 515

Đơn vị: Công ty TNHH ĐT-TMTH Khánh Hà

Mẫu số S03b - DNN

Bộ phận: Đồng Phú, Đồng Hới, Q. Bình
BTC

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2023

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Sô	Ngày				Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>				
			- Số phát sinh trong tháng				
.....							
31/10	GBC03	31/10	Doanh thu hoạt động tài chính		112		170.270
							
31/12	PKC24	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính		911	285.035	
			- Cộng số phát sinh tháng			285.035	285.035
			<u>Số dư cuối tháng</u>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, dấu, họ tên)

2.3.7. Kế toán chi phí tài chính

2.3.7.1. Chứng từ sử dụng

Chứng từ được sử dụng để hạch toán Chi phí hoạt động tài chính bao gồm :

- + Phiếu tính lãi
- + Giấy báo Nợ
- + Phiếu chi

Hàng tháng, công ty sẽ nhận được thông báo từ ngân hàng về số tiền lãi phải. Thông thường, công ty thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Sau khi thanh toán ngân hàng sẽ gửi thông báo cho công ty. Căn cứ Giấy báo Nợ ngân hàng gửi, kế toán nhập liệu vào phần mềm.

2.3.7.2. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán doanh thu tài chính, công ty sử dụng tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

2.3.7.3. Trình tự ghi sổ tại công ty

Ví dụ minh họa: Ngày 31/10/2023, công ty trích thanh toán lãi vay phải trả tháng 10/2023 với số tiền là 22.269.041 đồng.

Chứng từ kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh Giấy báo Nợ (xem biểu 2.10)

Biểu 2.10. Giấy báo Nợ

		GIẤY BÁO NỢ DEBIT ADVICE		Ngày/Date: 31/10/2023 CIF: 15936025 Seq: 55137457
Chi nhánh/Brand: Quảng Bình Số tài khoản/Account No: 3803201005050 Tên tài khoản/Account name: Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà				
Kính gửi/To: Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà			Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi nợ với nội dung sau: Please note that we have today DEBIT your account with the following entries:	
Ngày hiệu lực Effective Date	Số tiền Amount	Loại tiền Currency	Diễn giải Txn.Description	Giao dịch viên Teller
31/10/2023 15:55:03	22.269.041	VND	Thanh toán lãi vay - CTLNHIDO00004318-FEE-002	814CTANH1

Tại công ty, để theo dõi chi phí hoạt động tài chính, kế toán chỉ sử dụng sổ cái tài khoản 635, không mở sổ chi tiết.

Khi toán nhập liệu vào phần mềm, hệ thống sẽ tự động cập nhật vào các sổ cái tài khoản 635. (xem biểu 2.11)

Biểu 2.11. Sổ cái TK 635**Đơn vị:** Công ty TNHH ĐT-TMTH Khánh Hà**Bộ phận:** Đồng Phú, Đồng Hới, Q. Bình**Mẫu số S03b - DNN**(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI****Năm 2023****Tên tài khoản:** Chi phí tài chính**Số hiệu:** 635

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày				Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>				
			- Số phát sinh trong tháng				
.....							
31/03	GBN011		Chi phí tài chính		112	10.052.578	
.....							
31/10	GBN032	31/10	Chi phí tài chính		112	22.269.041	
			...				
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính		911		844.966.649
			- Cộng số phát sinh tháng			844.966.649	844.966.649
			<u>Số dư cuối tháng</u>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, dấu, họ tên)**2.3.8. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh****2.3.8.1. Chứng từ sử dụng**

Chứng từ sử dụng để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh:

- + Bảng thanh toán tiền lương,
- + Bảng phân bổ tiền lương...
- + Phiếu chi,
- + Hóa đơn GTGT

+ Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

Trong tháng, khi phát sinh chi phí cần phải thanh toán, kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT, giấy đề nghị thanh toán, Bảng thanh toán tiền lương đã được kế toán trưởng và giám đốc phê duyệt ...để lập phiếu chi. Phiếu chi được lập thành 2 liên, chuyển cho thủ quỹ. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi và các chứng từ gốc liên quan, tiến hành chi tiền và lưu lại 01 liên, 01 liên chuyển về cho kế toán.

Cuối tháng, kế toán thực hiện việc tính lương và lập Bảng thanh toán tiền lương, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định để tập hợp chi phí kinh doanh phát sinh trong tháng.

2.3.8.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng Tài khoản 642”Chi phí quản lý kinh doanh”

Tài khoản 642 của công ty có các TK cấp 2 như sau:

TK 6421: Chi phí nhân viên

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.3.8.3. Trình tự ghi sổ

Ví dụ minh họa: Ngày 31/10, kế toán tính khấu hao tài sản cố định tháng 10 năm 2023 (xem biểu 2.12)

Biểu 2.12. Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 10 năm 2023

Đơn vị: Công ty TNHH ĐT-TMTH Khánh Hà Địa chỉ: Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ Tháng 10 năm 2023														
Đơn vị tính: đồng														
STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ khấu hao (%)	Nơi sử dụng Toàn DN		TK 154- Chi phí sản xuất					TK 642 Chi phí quản lý kinh doanh	TK 241 XDCB dỡ dang	TK 242 Chi phí trả trước	TK 335 Chi phí phải trả	
			Nguyên giá TSCĐ	Số khấu hao	Phân xưởng sản xuất	Chi phí sử dụng máythi công	...	...						
1	2	3	4	5	6	10	8	9		12	13	15	16	...
1	I. Số khấu hao trích tháng trước			25.270.000						25.270.000				
2	II. Số KH TSCĐ tăng trong tháng													
3	III. Số KH TSCĐ giảm trong tháng													
4	IV. Số khấu hao trích tháng này			25.270.000						25.270.000				
Người lập biểu (Ký, họ tên) Ngày 31 tháng 10 năm 2023 Kế toán trưởng (Ký, họ tên)														

Hằng ngày, trên cơ sở các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã nhập liệu, Phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật vào các sổ kế toán liên quan.

Biểu 2.13. Sổ chi tiết TK642

Đơn vị: Công ty TNHH ĐT-TMTH Khánh Hà

Địa chỉ: Đồng Phú, Đồng Hới, Q. Bình

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 642

Năm 2023

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	Tài khoản	Nợ phát sinh	Có phát sinh
31/01	BTTTLT01	Tiền lương phải trả cho bộ phận quản lý	334	48.270.200	
31/01	BTTTLT01	Tiền lương phải trả phòng kinh doanh	334	30.500.200	
31/01	BPBTLT01	Trích các khoản theo lương bộ phận quản lý	338	8.000.540	
31/01	BPBTLT01	Trích các khoản theo lương phòng kinh doanh	338	5.680.300	
...					
16/10	522	Chi phí vận chuyển hàng đi bán	111	500.000	
31/10	BTTTLT10	Tiền lương phải trả cho bộ phận quản lý	334	50.107.200	
	BTTTLT10	Tiền lương phải trả phòng kinh doanh	334	32.048.640	
31/10	BPBTLT10	Trích các	338	8.977.540	

		khoản theo lương bộ phận quản lý			
	BPBTLT11	Trích các khoản theo lương phòng kinh doanh	338	5.742.048	
31/10	BPBKHT10	Trích khấu hao TSCĐ tháng 10	214	25.270.000	
31/10	1278	Tiền điện phải trả bộ bán hàng	331	1.560.000	
31/10	1526	Tiền nước phải trả bộ phận quản lý	331	600.000	
31/10	2718	Tiền điện thoại bộ phận bán hàng	331	2.570.000	
31/10	5236	Chi phí xăng dầu phải trả phục vụ bán hàng	331	3.750.000	
	...				
31/12/2023	PKC	Kết chuyển CP QLDN	911		1.566.960.649
Tổng cộng				1.566.960.649	1.566.960.649

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, dấu, họ tên)

Biểu 2.14. Sổ cái TK642

Đơn vị: Công ty TNHH ĐT-TMTH Khánh Hà

Mẫu số S03b - DNN

Địa chỉ: Đồng Phú, Đồng Hới, Q. Bình

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2023

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh trong tháng			
31/01	BTTTTLT01		Tiền lương phải trả cho bộ phận quản lý	334	48.270.200	
31/01	BTTTTLT01		Tiền lương phải trả phòng kinh doanh	334	30.500.200	
.....						
16/10	522	16/10	Chi phí vận chuyển hàng đi bán	111	500.000	
31/10	BTTTTLT10	31/10	Tiền lương phải trả cho bộ phận quản lý	334	50.107.200	
	BTTTTLT10		Tiền lương phải trả phòng kinh doanh	334	32.048.640	
31/10	BPBTLT10	31/10	Trích các khoản theo lương bộ phận quản lý	338	8.977.540	
	BPBTLT11		Trích các khoản theo lương phòng kinh doanh	338	5.742.048	
31/10	BPBKHT10	31/10	Trích khấu hao TSCĐ tháng 10	214	25.270.000	
31/10	1278	31/10	Tiền điện phải trả bộ bán hàng	331	1.560.000	
31/10	1526	31/10	Tiền nước phải trả bộ phận quản lý	331	600.000	
31/10	2718	31/10	Tiền điện thoại bộ phận bán hàng	331	2.570.000	
						
31/12	K/c 026	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý KD	911		1.566.960.649
			Số phát sinh		1.566.960.649	1.566.960.649
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, dấu, họ tên)

2.3.9. Kế toán thu nhập khác

2.3.9.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Tại Công ty TNHH Điện tử -Thương mại Tổng hợp Khánh Hà, các khoản thu nhập khác gồm các khoản thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ. Các khoản chi phí khác bao gồm chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có); tiền phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Chứng từ ghi nhận khoản thu nhập khác: Hóa đơn, phiếu thu, Phiếu thu, Giấy báo Có, các chứng từ liên quan khác.
- Khi phát sinh nghiệp vụ, kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan để nhập vào phần mềm, hệ thống sẽ tự động cập nhật vào các sổ kế toán liên quan.

2.3.9.2. Tài khoản kế toán sử dụng

- Kế toán sử dụng tài khoản 711 để hạch toán thu nhập khác

2.3.9.3. Sổ kế toán sử dụng

- Công ty chỉ sử dụng sổ cái TK 711, không theo dõi chi tiết khoản thu nhập khác.
- Trong tháng 10 năm 2023, ở công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến khoản thu nhập khác.

2.3.10. Kế toán chi phí khác

2.3.10.1. Chứng từ sử dụng

- Tại Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà, các khoản chi phí khác gồm chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có); tiền phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Chứng từ ghi nhận khoản chi phí khác: Hóa đơn, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, các chứng từ liên quan khác.
- Khi phát sinh nghiệp vụ, kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan để nhập vào phần mềm, hệ thống sẽ tự động cập nhật vào các sổ kế toán liên quan.

2.3.10.2. Tài khoản kế toán

Kế toán sử dụng tài khoản 811 để hạch toán khoản chi phí khác

2.3.10.3. Trình tự ghi sổ

Ví dụ minh họa: Ngày 22/10/2023, công ty chuyển tiền nộp phạt VPHC với nội dung là chậm nộp thuế là 32.325 đồng.

Căn cứ vào Quyết định xử phạt, kế toán lập ủy nhiệm chi chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt, đóng dấu rồi gửi cho ngân hàng để trả tiền.

Sau khi ngân hàng chi tiền sẽ gửi giấy báo Nợ cho công ty, thông báo đã chi tiền. Kế toán dựa vào đó tiến hành nhập liệu vào phần mềm (xem biểu 2.15)

Biểu 2.15. Giấy báo Nợ

 NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM Mang phần thịnh đến khách hàng		GIẤY BÁO NỢ DEBIT ADVICE		Ngày/Date: 31/10/2023 CIF: 15936025 Seq: 55137457
Chi nhánh/Brand: Quảng Bình Số tài khoản/Account No: 3803201005050 Tên tài khoản/Account name: Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà				
Kính gửi/To: Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà			Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi nợ với nội dung sau: Please note that we have today DEBIT your account with the following entries:	
Ngày hiệu lực Effective Date	Số tiền Amount	Loại tiền Currency	Diễn giải Txn.Description	Giao dịch viên Teller
22/10/2023 8:55:00	32.325	VND	Thanh toán tiền nộp phạt - CTLNHIDO00004335-FEE-002	814CTANH1

Tại công ty, để theo dõi chi phí khác, kế toán chỉ sử dụng sổ cái tài khoản 811, không mở sổ chi tiết.

Hằng ngày, khi nhận được chứng từ gốc có liên quan đến các khoản chi phí phát sinh, kế toán nhập liệu vào phần mềm, hệ thống sẽ tự động cập nhật vào các sổ cái tài khoản 811 (xem biểu 2.16)

Biểu 2.16. Sổ cái 811

Đơn vị: Công ty TNHH ĐT-TMTH Khánh Hà

Mẫu số S03b - DNN

Bộ phận: Đồng Phú, Đồng Hới, Q. Bình

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2023

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày				Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>				
			- Số phát sinh trong tháng				
....							
31/10	GBN23	31/10	Chi phí nộp phạt		112	32.325	
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển chi phí khác		911		6.138.581
			- Cộng số phát sinh tháng			6.138.581	6.138.581
			<u>Số dư cuối tháng</u>				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, dấu, họ tên)

2.3.11. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.3.11.1. Chứng từ kế toán sử dụng

+ Tờ khai quyết toán thuế TNDN

+ Báo cáo quyết toán thuế hàng năm

Hàng tháng, kế toán tiến hành tính chi phí thuế TNDN phải nộp trong tháng sau khi đã tổng hợp các khoản doanh thu, chi phí phát sinh trong tháng và kết quả hoạt động kinh doanh của tháng.

Hàng quý, xác định tổng số thuế TNDN phải nộp trong quý, tiến hành nộp thuế TNDN.

Cuối năm, công ty quyết toán thuế TNDN lập tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN

Vì thu nhập tính thuế âm, kết quả kinh doanh của công ty năm 2023 không có lãi (lỗ) nên số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng không (xem biểu 2.17)

Biểu 2.17 . Tờ khai quyết toán thuế TNDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ TMTH KHÁNH HẢ
[07] Mã số thuế: 3100297945

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày: _____
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(1.839.937.657)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(1.839.937.657)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	0
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	0
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

1/3

4	Thu nhập tính thuế (TNIT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNIT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNIT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ	G5	0

	sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ		
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=H1+H2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai/...

Ngày 01 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Khánh Hà

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ - THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP KHÁNH HÀ

2.3.11.2. Tài khoản kế toán sử dụng

- Kế toán sử dụng tài khoản 821 để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.3.11.3. Sổ kế toán sử dụng

- Sổ kế toán sử dụng là sổ cái TK 821. Công ty không theo dõi chi tiết khoản thu thuế thu nhập doanh nghiệp

2.3.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.3.12.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Cuối năm, kế toán tiến hành các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, thu nhập khác, chi phí khác sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong năm 2023 (xem biểu 2.18)

Biểu 2.18. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2023

Mẫu số: B02
 - DNN
 (Ban hành
 theo Thông
 tư số
 133/2016/TT-
 BTC ngày
 26/8/2016
 của Bộ Tài
 chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ TMTH KHÁNH HÀ
 [03] Mã số thuế: 3100297945

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.575.108.617	6.813.786.335
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		7.575.108.617	6.813.786.335
4. Giá vốn hàng bán	11		7.003.387.615	5.562.080.034
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		571.721.002	1.251.706.301
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		285.035	42.925
7. Chi phí tài chính	22		844.966.649	1.070.209.196
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		844.966.649	1.070.209.196
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.566.960.649	1.830.185.164
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(1.839.921.261)	(1.648.645.134)
10. Thu nhập khác	31		6.122.185	62.333.953
11. Chi phí khác	32		6.138.581	104.655.738
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(16.396)	(42.321.785)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.839.937.657)	(1.690.966.919)
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(1.839.937.657)	(1.690.966.919)

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 01 tháng 03 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
 Nguyễn Khánh Hà

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ - THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP KHÁNH HÀ.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ - THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP KHÁNH HÀ.

1/1

2.3.12.2. Tài khoản kế toán sử dụng

- Kế toán sử dụng tài khoản 911 để kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.3.12.3. Trình tự ghi sổ tại công ty

- Tại công ty, để xác định kết quả kinh doanh, kế toán chỉ sử dụng sổ cái tài khoản 911, không mở sổ chi tiết.

Cuối năm, khi thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh, hệ thống sẽ tự động cập nhật vào các sổ cái tài khoản 911(xem biểu 2.19)

Biểu 2.19. Sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty TNHH ĐT-TMTH Khánh Hà

Mẫu số S03b - DNN

Bộ phận: Đồng Phú, Đồng Hới, Q.Bình

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2023

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Sô	Ngày				Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				
			- Số phát sinh trong tháng				
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần		511		7.575.108.617
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu TC		515		285.035
31/12	KC	31/12	Kết chuyển thu nhập khác		711		6.122.185
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán		632	7.003.387.615	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh		642	1.566.960.649	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính		635	844.966.649	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí khác		811	6.138.581	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập DN		821	0	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển Lỗ		421		1.839.937.657
			- Cộng số phát sinh tháng			9.421.453.494	9.421.453.494
			Số dư cuối tháng				

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, dấu, họ tên)

Biểu 2.20. Sổ Nhật ký chung tại công ty

Đơn vị: Công ty TNHH ĐTTMTH Khánh Hà

Mẫu số S03a - DN

Địa chỉ: Đồng Phú, Đồng Hới, Q. Bình

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng		Số Tiền	
	SH	Ngày		Nợ	Có	Nợ	Có
05/01	XK001	01/05	Xuất kho hàng hoá bán TT cho KH	632	156	8.664.635	8.664.635
05/01	HĐ00001	01/05	Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	511	10.545.440	10.545.440
			- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	333	1.054.544	1.054.544
			...				
10/05	XK153	10/05	Xuất kho hàng hoá bán TT cho KH	632	156	649.848	649.848
10/05	HĐ0000153	10/05	Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	511	1.036.362	1.036.362
			- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	111	333	103.636	103.636
10/05	XK154	10/05	Xuất kho hàng hoá bán TT cho KH	632	156	1.020.000	1.020.000
10/05	0000154	10/05	Doanh thu bán hàng chưa thu	131	511	1.259.224	1.259.224

			tiền				
			- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	333	125.922	125.922
....							
04/10	PXK234	04/10	Xuất kho hàng hoá bán TT cho KH	632	156	3.110.000	3.110.000
04/10	0000234	04/10	Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	511	3.100.000	3.100.000
			- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	333	310.000	310.000
04/10	PXK235	04/10	Xuất kho hàng hoá bán TT cho KH	632	156	555.000	555.000
04/10	0000235	04/10	Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	511	685.166	685.166
			- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	333	68.517	68.517
06/10	PXK236	06/10	Xuất kho hàng hoá bán TT cho KH	632	156	225.000	225.000
06/10	0000236	06/10	Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	511	277.728	277.728
			- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	333	27.772	27.772
06/10	PXK237	06/10	Xuất kho hàng hoá bán TT cho KH	632	156	8.664.635	8.664.635
06/10	0000237	06/10	Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	511	10.545.440	10.545.440

			- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	333	1.054.544	1.054.544
09/10	PXK238	09/10	Xuất kho hàng hoá bán TT cho KH	632	156	433.232	433.232
09/10	0000238	09/10	Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	511	677.728	677.728
			- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	111	333	67.772	67.772
14/10	PXK239	14/10	Xuất kho hàng hoá bán TT cho KH	632	156	15.927.272	15.927.272
14/10	0000239	14/10	Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	511	17.520.000	17.520.000
			- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	333	1.752.000	1.752.000
			...				
20/10	GBN23	20/10	Chi phí nộp phạt	811	112	32.325	32.325
31/10	GBC03	31/10	Doanh thu hoạt động tài chính	112	515	170.270	170.270
31/10	GBN032	31/10	Chi phí hoạt động tài chính	635	112	22.269.041	22.269.041
31/10	BPBKHT10	31/10	Trích khấu hao TSCĐ tháng 10	642	214	25.270.000	25.270.000
							
30/12	XK366	30/12	Xuất kho hàng hoá bán TT cho KH	632	156	1.395.000	1.395.000
30/12	HD00366	30/12	Doanh thu bán	131	511	1.722.174	1.722.174

			hàng chưa thu tiền				
			- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	333	172.217	172.217
			...				
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	7.575.108.617	7.575.108.617
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu TC	515	911	285.035	285.035
31/12	KC	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	6.122.185	6.122.185
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	911	7.003.387.615	7.003.387.615
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.566.960.649	1.566.960.649
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	844.966.649	844.966.649
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	811	6.138.581	6.138.581
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập DN	911	821	0	0
31/12	KC	31/12	Kết chuyển Lỗ	421	911	1.839.937.657	1.839.937.657
			Cộng phát sinh				
			Lũy kê cuối quý				

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, dấu, họ tên)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ - THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP KHÁNH HÀ

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty TNHH điện tử - Thương mại tổng hợp Khánh Hà

3.1.1. Ưu điểm của công tác kế toán

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán được xây dựng hợp lý về mô hình, đã có sự phân công lao động dựa trên khối lượng công tác kế toán và phân hành kế toán chủ yếu của Công ty, việc phân công được thực hiện khoa học, góp phần tăng tính đối chiếu, kiểm tra. Các nhân viên kế toán đều được đào tạo kiến thức và có trình độ nghiệp vụ, có trách nhiệm hoàn thành công việc của mình và thường xuyên tự bồi dưỡng, cập nhật các chuẩn mực, quy định kế toán mới.

- Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán máy (sử dụng phần mềm AC soft), dựa trên hình thức nhật ký chung. Việc áp dụng phần mềm kế toán góp phần giảm nhẹ khối lượng công việc kế toán, giúp cho công việc cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời và chính xác, đáp ứng việc ra quyết định của nhà quản trị, nâng cao hiệu quả làm việc của kế toán. Các nhân viên kế toán chỉ cần nhập chứng gốc vào phần mềm, số liệu sẽ được cập nhật vào sổ sách liên quan một cách nhanh chóng và chính xác.

- Về chứng từ, sổ kế toán:

Hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty được lưu trữ theo đúng chế độ đảm bảo khoa học trong việc truy cập và tìm kiếm thông tin. Hàng tháng, hàng quý các chứng từ gốc được tập hợp theo từng nhóm, từng chủng loại khác nhau. Chứng từ của năm tài chính được lưu trữ trong các ngăn tài liệu, luôn sẵn sàng cho các cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tài chính.

Việc kê khai thuế GTGT được thực hiện chặt chẽ trên cơ sở lập và ghi chép hóa đơn GTGT đúng quy định. Công ty sử dụng đầy đủ các mẫu bảng biểu do nhà nước quy

định kê khai thuế GTGT, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản lý công ty cũng như cơ quan thuế theo dõi kiểm tra.

3.1.2. Nhược điểm của công tác kế toán

- Về chính sách bán hàng: Để khuyến khích hoạt động bán hàng, tăng số lượng sản phẩm tiêu thụ, tăng doanh thu, công ty thường cho khách hàng mua nợ dẫn đến số vốn bị chiếm dụng lớn, tình trạng phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi hoặc không đòi được nhưng kế toán chưa thực hiện việc trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

- Về công tác hạch toán kế toán:

+ Công ty chưa chú trọng việc theo dõi, phản ánh chi tiết kết quả kinh doanh riêng cho từng loại sản phẩm để thấy được hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm, loại sản phẩm. Qua đó có chiến lược phát triển riêng, phù hợp với cho từng sản phẩm trong từng thời gian nhất định.

+ Công tác kiểm tra, kiểm soát hạch toán kế toán nói chung và kiểm tra kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty không được tiến hành thường xuyên, công tác kế toán kiểm tra thường giao cho kế toán trưởng tiến hành mà không có kiểm toán nội bộ.

3.2. Đánh giá về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện tử - Thương mại tổng hợp Khánh Hà

3.2.1. Ưu điểm

Công tác kế toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh đã cung cấp những thông tin cần thiết cho công tác quản trị kinh doanh của công ty cũng như các đơn vị quản lý tài chính Nhà nước như: Cục thuế, Bộ tài chính... Đồng thời, các thông tin do bộ phận kế toán công ty cung cấp thường nhanh chóng, chính xác, kịp thời, đầy đủ giúp cho việc kiểm tra đối chiếu giữa các bộ phận kế toán, giúp cho việc lập Báo cáo kế toán thuận lợi, nhanh chóng.

3.2.2. Hạn chế, tồn tại

Công ty chỉ mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán để theo dõi chi tiết từng nghiệp vụ bán hàng mà không theo dõi riêng doanh thu, giá vốn cho từng loại sản phẩm. Bên cạnh đó các khoản chi phí cũng chưa phân bổ cho từng loại sản phẩm tiêu thụ nên công ty không xác định lãi (lỗ) cho từng mặt hàng. Vì vậy, việc theo dõi hiệu quả kinh doanh của từng mặt hàng sẽ gặp nhiều khó khăn.

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà

Thứ nhất, công ty nên áp dụng các chính sách khuyến khích thanh toán sớm. Nếu khách hàng thanh toán ngay hoặc thanh toán trước thời hạn thì sẽ được chiết khấu, nếu thanh toán chậm thì phải chịu lãi suất của khoản nợ quá hạn...

Đối với khách hàng gần đến hạn thanh toán, công ty nên gửi thông báo có ghi rõ số tiền còn nợ, ngày thanh toán và thường xuyên trao đổi thông tin về các khoản nợ giữa kế toán và phòng kinh doanh để có quyết định có nên tiếp tục bán hàng cho khách hàng nữa hay không.

Thứ hai, Công ty nên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và nợ phải thu khó đòi nhằm hạn chế rủi ro có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng phải tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành

- Đối với khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Doanh nghiệp được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng các quy định của Chuẩn mực kế toán “Hàng tồn kho” và quy định của chế độ tài chính hiện hành.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.

- Đối với khoản dự phòng phải thu khó đòi: Là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu khó có khả năng thu hồi. Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

❖ Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ...
- Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành. Đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm trích lập 30% giá trị. Đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm trích lập 50% giá trị. Đối với khoản nợ phải thu khó đòi quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm. Trích lập 70% giá trị Đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên được trích lập 100% giá trị.
- Tài khoản sử dụng để hạch toán: Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản.
Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 229:
 - Bên Nợ:
 - Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;
 - Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.
 - Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

- Bên Có:
 - Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
 - Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.
 - Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản có 4 tài khoản cấp 2
 - Tài khoản 2291 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.
 - Tài khoản 2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.
 - Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi.
 - Tài khoản 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

❖ **Phương pháp kế toán:**

- Phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi:
 - Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:
Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293).
 - Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:
Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331, 334....(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)(phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (phần được tính vào chi phí)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

- Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 711 - Thu nhập khác.

- Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294).

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tồn thất cao hơn số đã lập dự phòng)
Có các TK 152, 153, 155, 156.

Thứ ba, công ty nên xác định kết quả kinh doanh cho từng loại mặt hàng, từ đó theo dõi được tình hình biến động và đưa ra những hướng đi phù hợp cho từng mặt hàng.

Để tiện cho việc theo dõi, kế toán có thể phân loại hàng hóa thành một số nhóm hàng nhất định với từng đặc tính cụ thể. Đồng thời, lựa chọn tiêu thức phù hợp để phân bổ chi phí quản lý cho từng mặt hàng. Chi phí quản lý kinh doanh nên được phân bổ cho số hàng hóa xuất bán trong tháng theo tiêu thức doanh thu hàng bán với công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý kinh} \\ \text{doanh phân bổ cho từng} \\ \text{mặt hàng bán ra} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí quản lý} \\ \text{kinh doanh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng doanh thu bán} \\ \text{hàng trong kỳ} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng} \\ \text{của từng mặt hàng} \end{array}$$

Sau khi phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng mặt hàng tiêu thụ, ta sẽ xác định được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng. Từ việc phân bổ và xác định kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng, nhà quản lý sẽ biết được mặt hàng nào đem lại lợi nhuận lớn để tập trung đầu tư một cách hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2016). Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).
2. Bộ Tài Chính (2014). Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).
3. Chuẩn mực kế toán số 14 – *Doanh thu và thu nhập khác* (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).
4. PGS.TS Nguyễn Năng Phúc (2010), *Phân tích báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính (2018), Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế ngày càng phát triển hòa nhập các nền kinh tế thế giới thì quyết định của các nhà quản trị phụ thuộc rất nhiều vào thông tin kế toán. Đặc biệt với nền kinh tế đang đi lên như Việt Nam thì các vấn đề như gia tăng doanh thu và quản lý chi phí doanh nghiệp là một trong những mục tiêu được đặt lên hàng đầu. Thông qua công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, người quản lý có thể đưa ra những giải pháp và hướng đi vừa tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa chi phí doanh nghiệp vừa phù hợp với đặc điểm kinh doanh và tiêu chí của công ty.

Qua thời gian được tìm hiểu, trải nghiệm thực tế công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà, em thấy công ty đã phát huy nhiều mặt mạnh trong công tác tổ chức kế toán bên cạnh không thể tránh khỏi những mặt còn hạn chế. Để khắc phục phần nào những điểm chưa hoàn thiện, em đã đưa ra một số ý kiến đóng góp với mục đích hoàn thiện thêm phần kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Chuyên đề tập trung nghiên cứu đề tài bán hàng và xác định kết quả kinh doanh về cơ bản đã hoàn thành một số vấn đề sau:

Thứ nhất: Hệ thống lại cơ sở lý luận cơ bản liên quan đến kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Thứ hai: Đi sâu, tìm hiểu công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả tại Công ty

Thứ ba: Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà.

Tuy nhiên, với vai trò là một sinh viên thực tập, chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc nghiên cứu của em còn giới hạn và gặp nhiều khó khăn, các kiến nghị và giải pháp đưa ra chỉ dựa trên lý luận được học ở trường và quá trình quan sát nghiên cứu tại Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà.

Do thời gian có hạn, cũng như năng lực của bản thân còn hạn chế nên khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ dẫn và đóng góp của các thầy, cô giáo.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Nguyễn Xuân Hiệp và các anh, chị phòng kế toán Công ty TNHH Điện tử - Thương mại Tổng hợp Khánh Hà đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp này.